

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH YÊN BÁI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 2343/QĐ-UBND

Yên Bái, ngày 09 tháng 10 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành; sửa đổi, bổ sung; bị bãi bỏ trong các lĩnh vực: Đất đai; Bảo vệ môi trường; Tài nguyên nước thuộc phạm vi quản lý của Sở Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã tỉnh Yên Bái

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH YÊN BÁI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật số 47/2019/QH14 ngày 22 tháng 11 năm 2019 về sửa đổi, bổ sung một số Điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 633/TTr-STNMT ngày 15 tháng 9 năm 2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này danh mục thủ tục hành chính mới ban hành; sửa đổi, bổ sung; bị bãi bỏ trong các lĩnh vực: Đất đai; Bảo vệ môi trường; Tài nguyên nước thuộc phạm vi quản lý của Sở Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã tỉnh Yên Bái.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận: *rat*

- Như Điều 3;
- Cục Kiểm soát TTHC (VPCP);
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Phó CTUBND tỉnh: Nguyễn Chiến Thắng;
- Phó Chánh Văn phòng (NCPC);
- Công Thông tin điện tử tỉnh;
- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh;
- Lưu: VT, NCPC.



KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Chiến Thắng
Nguyễn Chiến Thắng

DANH MỤC
THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH; THỦ TỤC HÀNH CHÍNH SỬA ĐỔI; THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BỊ BÃI BỎ
TRONG CÁC LĨNH VỰC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG


THUỘC PHẠM VI CHỨC QUẢN LÝ CỦA SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH YÊN BÁI

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái)



A. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
LĨNH VỰC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG					
1	Vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải theo quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án	<ul style="list-style-type: none"> - Thời hạn kiểm tra tính đầy đủ và hợp lệ của hồ sơ/Thời hạn kiểm tra các công trình xử lý chất thải của dự án: Trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ. - Thời hạn có văn bản thông báo kết quả kiểm tra các công trình xử lý chất thải để chủ dự án vận hành thử nghiệm: 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc kiểm tra. - Thời hạn có văn bản thông báo kết quả kiểm 	Nộp qua công dịch vụ công trực tuyến, trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Yên Bái, địa chỉ: Tổ 14, đường Điện Biên, phường Đồng Tâm, thành phố Yên Bái - Tầng 1, Trung tâm Hội nghị tỉnh	Không quy định.	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Bảo vệ môi trường năm 2014. - Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường. - Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật bảo vệ môi trường. - Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT ngày 31/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật bảo vệ môi trường.

		<p>tra việc vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải của dự án: 05 (năm) ngày làm việc trước khi kết thúc việc vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải của dự án.</p>			<p>trường và quy định quản lý hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường.</p> 
2	<p>Cấp Giấy phép trao đổi, mua, bán, tặng cho, thuê, lưu giữ, vận chuyển mẫu vật của loài thuộc Danh mục loài được ưu tiên bảo vệ</p>	<p>- Thời hạn trả lời tính hợp lệ của hồ sơ: trong thời hạn năm (05) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thông báo bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân về việc chấp nhận hồ sơ hoặc yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo quy định; việc yêu cầu tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện hồ sơ chỉ được thực hiện một (01) lần và thời gian bổ sung, hoàn thiện hồ sơ không tính vào thời gian thẩm định hồ sơ;</p> <p>- Thời hạn thẩm định, ban hành quyết định cấp phép: trong thời hạn 30 ngày, kể từ khi nhận</p>	<p>Nộp qua cổng dịch vụ công trực tuyến, trực tiếp hoặc qua đường bưu điện cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thông qua Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Yên Bái, địa chỉ: Tổ 44, đường Điện Biên, phường Đồng Tâm, thành phố Yên Bái - Tầng 1, Trung tâm Hội nghị tỉnh.</p>	<p>Chưa quy định</p>	<p>- Luật Đa dạng sinh học năm 2008; - Nghị định số 160/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ về Tiêu chí xác định loài và chế độ quản lý loài thuộc Danh mục loài nguy, cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ.</p>

		<p>được hồ sơ hợp lệ. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tiến hành thẩm định và cấp Giấy phép trao đổi, mua, bán, tặng, cho, thuê mẫu vật của loài hoang dã thuộc Danh mục loài được ưu tiên bảo vệ cho tổ chức cá nhân đề nghị.</p>			
3	Cấp Giấy chứng nhận cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học	<p>Trong thời hạn 60 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm quyết định cấp hoặc từ chối cấp giấy chứng nhận cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học.</p>	<p>Nộp qua công dịch vụ công trực tuyến, trực tiếp hoặc qua đường bưu điện cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thông qua Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Yên Bái, địa chỉ: Tổ 14, đường Điện Biên, phường Đồng Tâm, thành phố Yên Bái - Tầng 1, Trung tâm Hội nghị tỉnh.</p>	Không quy định	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Đa dạng sinh học số 20/2008/QH12 của Quốc hội; - Nghị định số 65/2010/NĐ-CP ngày 11/6/2010 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đa dạng sinh học.

B. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
I	LĨNH VỰC ĐẤT ĐAI				
1	<p>Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với trường hợp đã chuyển quyền sử dụng đất trước ngày 01 tháng 7 năm 2014 mà bên chuyển quyền đã được cấp Giấy chứng nhận nhưng chưa thực hiện thủ tục chuyển quyền theo quy định</p>	<p>- Đối với các xã, phường thuộc thành phố Yên Bái, các phường thuộc thị xã Nghĩa Lộ và các thị trấn thuộc huyện: Trong thời hạn 10 ngày làm việc;</p> <p>- Đối với các xã còn lại: Thời gian thực hiện 20 ngày làm việc.</p>	<p>- Đối tượng là tổ chức, cơ sở tôn giáo; người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài thực hiện dự án đầu tư; tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao: Nộp hồ sơ tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Yên Bái tổ 14, đường Điện Biên, phường Đồng Tâm, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái - Tầng 1, Trung tâm Hội nghị tỉnh</p> <p>Đối tượng là hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư, người Việt Nam định cư ở nước ngoài được sở hữu nhà ở gắn liền với</p>	<p>- Lệ phí địa chính theo khoản 5 Điều 3 Nghị quyết số 22/2020/NQ-UBND ngày 04/7/2020 của HĐND tỉnh Yên Bái (<i>Áp dụng mức thu đối với tổ chức tại Mục 3</i>)</p> <p>- Chi phí đăng tin do người đề nghị cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất trả.</p> <p>- Lệ phí địa chính theo khoản 5, Điều 3 Nghị quyết số 22/2020/NQ-UBND ngày 04/7/2020 của HĐND tỉnh Yên Bái (<i>Áp dụng mức thu đối với hộ gia đình, cá</i></p>	<p>- Luật số 45/2013/QH13 ngày 29/11/2013;</p> <p>- Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;</p> <p>- Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;</p> <p>- Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về Hồ sơ địa chính;</p> <p>- Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất;</p> <p>- Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai và sửa đổi, bổ sung một số</p>

			<p>quyền sử dụng đất ở tại Việt Nam:</p> <p>Nộp hồ sơ tại các Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai qua một trong hai địa điểm sau:</p> <p>Bộ phận Phục vụ Hành chính công cấp huyện hoặc Bộ phận Phục vụ Hành chính công cấp xã</p>	<p><i>nhân tại Mục 1, Mục 2)</i></p> <p><u>Đối tượng miễn giảm:</u></p> <p>+ Trường hợp đã được cấp GCN (theo các mẫu giấy cũ) đã cấp trước ngày Nghị định số 88/2019/NĐ-CP có hiệu lực thi hành (ngày 19/12/2009).</p> <p>+ Hộ gia đình, cá nhân ở nông thôn không phải nộp Lệ phí địa chính.</p> <p>+ Trường hợp hộ gia đình, cá nhân tại các phường nội thành thuộc thành phố, thị xã được cấp GCN ở nông thôn thì không được miễn lệ phí cấp GCN.</p> <p>- Chi phí đăng tin do người đề nghị cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất trả.</p>	<p>điều của các thông tư hướng dẫn thi hành Luật đất đai;</p> <p>- Quyết định số 19/2017/QĐ-UBND ngày 05/10/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái ban hành quy định chi tiết thi hành một số điều, khoản của Luật Đất đai, Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 và Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;</p> <p>- Nghị quyết số 22/2020/QĐ-UBND ngày 04/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Yên Bái về ban hành một số loại phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh Yên Bái thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh.</p>
2	<p>Đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trong các trường hợp chuyển nhượng, cho thuê,</p>	<p>- Đối với các xã, phường thuộc thành phố Yên Bái, các phường thuộc thị xã Nghĩa Lộ và các thị trấn thuộc</p>	<p>Đối tượng là tổ chức, cơ sở tôn giáo; người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài thực hiện dự án đầu tư; tổ chức</p>	<p>- Lệ phí địa chính theo khoản 5, Điều 3 Nghị quyết số 22/2020/NQ-UBND ngày 04/7/2020 của HĐND tỉnh Yên Bái (<i>Áp dụng mức thu đối với tổ chức tại Mục 3)</i></p>	<p>- Luật số 45/2013/QH13 ngày 29/11/2013;</p> <p>- Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;</p> <p>- Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ</p>

<p>cho thuê lại, thừa kế, tặng cho, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất; chuyển quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất của vợ hoặc chồng thành của chung vợ và chồng; <i>tăng thêm diện tích do nhận chuyển nhượng, thừa kế, tặng cho quyền sử dụng đất đã có Giấy chứng nhận</i></p>	<p>huyện: Trong thời hạn 10 ngày làm việc; - Đối với các xã còn lại: Thời gian thực hiện 20 ngày làm việc.</p>	<p>nước ngoài có chức năng ngoại giao: Nộp hồ sơ tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Yên Bái tổ 14, đường Điện Biên, phường Đồng Tâm, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái - Tầng 1, Trung tâm Hội nghị tỉnh</p>	<p>- Phí thẩm định cấp quyền sử dụng đất áp dụng theo bảng mức thu phí điểm b Khoản 7 Điều 2 Nghị quyết số 22/2020/NQ-UBND ngày 04/7/2020 của HĐND tỉnh Yên Bái (<i>Áp dụng mức thu của tổ chức tại Mục II</i>)</p>	<p>sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai; - Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về Hồ sơ địa chính; - Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất;</p>
	<p>- Đối với các xã, phường thuộc thành phố Yên Bái, các phường thuộc thị xã Nghĩa Lộ và các thị trấn thuộc huyện: Trong thời hạn 10 ngày làm việc; - Đối với các xã còn lại: Thời gian thực hiện 20 ngày làm việc.</p>	<p>Đối tượng là hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư, người Việt Nam định cư ở nước ngoài được sở hữu nhà ở gắn liền với quyền sử dụng đất ở tại Việt Nam: Nộp hồ sơ tại các Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai qua một trong hai địa điểm sau: Bộ phận Phục vụ hành chính công cấp huyện hoặc Bộ phận Phục vụ hành chính công cấp xã</p>	<p>- Lệ phí địa chính theo khoản 5, Điều 3 Nghị quyết số 22/2020/NQ-UBND ngày 04/7/2020 của HĐND tỉnh Yên Bái (<i>Áp dụng mức thu đối với hộ gia đình, cá nhân tại Mục 1, Mục 2</i>) <u>Đối tượng miễn giảm:</u> + Trường hợp đã được cấp GCN (theo các mẫu giấy cũ) đã cấp trước ngày Nghị định số 88/2019/NĐ-CP có hiệu lực thi hành (ngày 19/12/2009). + Hộ gia đình, cá nhân ở nông thôn không phải nộp Lệ phí địa chính. + Trường hợp hộ gia đình, cá nhân tại các phường nội thành thuộc thành phố, thị</p>	<p>- Quyết định số 19/2017/QĐ-UBND ngày 05/10/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái ban hành quy định chi tiết thi hành một số điều, khoản của Luật Đất đai, Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 và Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; - Nghị quyết số 22/2020/QĐ-UBND ngày 04/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Yên Bái về ban hành một số loại phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh Yên Bái thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh.</p>


				<p>xã được cấp GCN ở nông thôn thì không được miễn lệ phí cấp GCN.</p> <p>- Phí tham định cấp quyền sử dụng đất áp dụng theo bảng mức thu phí điểm b khoản 7 Điều 2 Nghị quyết số 22/2020/NQ-UBND ngày 04/7/2020 của HĐND tỉnh Yên Bái (<i>Áp dụng mức thu của hộ gia đình, cá nhân tại Mục I</i>)</p>	
3	Xóa đăng ký cho thuê, cho thuê lại, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất	Trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc	<p>- Đối tượng là tổ chức, cơ sở tôn giáo; người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài thực hiện dự án đầu tư; tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao: Nộp hồ sơ tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Yên Bái tổ 14, đường Điện Biên, phường Đồng Tâm, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái - Tầng 1, Trung tâm Hội nghị tỉnh</p>	<p>- Lệ phí địa chính theo khoản 5, Nghị quyết số 22/2020/NQ-UBND ngày 04/7/2020 của HĐND ngày 23/12/2016 của UBND tỉnh Yên Bái (<i>Áp dụng mức thu đối với tổ chức tại Mục 3</i>)</p>	<p>- Luật số 45/2013/QH13 ngày 29/11/2013;</p> <p>- Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;</p> <p>- Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;</p> <p>- Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về Hồ sơ địa chính;</p> <p>- Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất;</p> <p>- Quyết định số 19/2017/QĐ-UBND ngày</p>
		Trong thời hạn	- Đối tượng là hộ gia	- Lệ phí địa chính theo	

		không quá 03 ngày làm việc	đình, cá nhân, cộng đồng dân cư, người Việt Nam định cư ở nước ngoài được sở hữu nhà ở gắn liền với quyền sử dụng đất ở tại Việt Nam: Nộp hồ sơ tại các Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai qua một trong hai địa điểm sau: Bộ phận Phục vụ hành chính công cấp huyện hoặc Bộ phận Phục vụ hành chính công cấp xã	khoản 5, Điều 3 Nghị quyết số 22/2020/NQ-UBND ngày 04/7/2020 của HĐND ngày 23/12/2016 của UBND tỉnh Yên Bái (<i>Áp dụng mức thu đối với hộ gia đình, cá nhân tại Mục 1, Mục 2</i>) <u>Đối tượng miễn giảm:</u> + Trường hợp đã được cấp GCN (theo các mẫu giấy cũ) đã cấp trước ngày Nghị định số 88/2019/NĐ-CP có hiệu lực thi hành (ngày 19/12/2009). + Hộ gia đình, cá nhân ở nông thôn không phải nộp Lệ phí địa chính. + Trường hợp hộ gia đình, cá nhân tại các phường nội thành thuộc thành phố, thị xã được cấp GCN ở nông thôn thì không được miễn lệ phí cấp GCN.	05/10/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái ban hành quy định chi tiết thi hành một số điều, khoản của Luật Đất đai, Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 và Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; - Nghị quyết số 22/2020/QĐ-UBND ngày 04/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Yên Bái về ban hành một số loại phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh Yên Bái thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh.
4	Đăng ký biến động về sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất do thay đổi thông tin về người được cấp Giấy chứng nhận (đổi tên hoặc	- Đối với các xã, phường thuộc thành phố Yên Bái, các phường thuộc thị xã Nghĩa Lộ và các thị trấn thuộc	- Đối tượng là tổ chức, cơ sở tôn giáo; người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài thực hiện dự án đầu tư; tổ chức	- Lệ phí địa chính theo khoản 5, Điều 3 Nghị quyết số 22/2020/NQ-UBND ngày 04/7/2020 của HĐND tỉnh Yên Bái (<i>Áp dụng mức thu đối với tổ chức tại Mục 3</i>)	- Luật số 45/2013/QH13 ngày 29/11/2013; - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ

<p>giấy tờ pháp nhân, giấy tờ nhân thân, địa chỉ); giám đốc tích thửa đất do sai lỗi tự nhiên; thay đổi về hạn chế quyền sử dụng đất; thay đổi về nghĩa vụ tài chính; thay đổi về tài sản gắn liền với đất so với nội dung đã đăng ký, cấp Giấy chứng nhận</p>	<p>huyện: Trong thời hạn 10 ngày làm việc.</p> <p>Đối với các xã còn lại: Thời gian thực hiện 20 ngày làm việc.</p>	<p>nước ngoài có chức năng ngoại giao: Nộp hồ sơ tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Yên Bái tổ 14, đường Điện Biên, phường Đồng Tâm, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái - Tầng 1, Trung tâm Hội nghị tỉnh</p>		<p>sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về Hồ sơ địa chính; - Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất;
	<ul style="list-style-type: none"> - Đối với các xã, phường thuộc thành phố Yên Bái, các phường thuộc thị xã Nghĩa Lộ và các thị trấn thuộc huyện: Trong thời hạn 10 ngày làm việc; - Đối với các xã còn lại: Thời gian thực hiện 20 ngày làm việc. 	<ul style="list-style-type: none"> - Đối tượng là hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư, người Việt Nam định cư ở nước ngoài được sở hữu nhà ở gắn liền với quyền sử dụng đất ở tại Việt Nam: <p>Nộp hồ sơ tại các Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai qua một trong hai địa điểm sau:</p> <p>Bộ phận Phục vụ hành chính công cấp huyện hoặc Bộ phận Phục vụ hành chính công cấp xã</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Lệ phí địa chính theo khoản 5, Điều 3 Nghị quyết số 22/2020/NQ-UBND ngày 04/7/2020 của HĐND tỉnh Yên Bái (<i>Áp dụng mức thu đối với hộ gia đình, cá nhân tại Mục 1, Mục 2</i>) <p><u>Đối tượng miễn giảm:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> + Trường hợp đã được cấp GCN (theo các mẫu giấy cũ) đã cấp trước ngày Nghị định số 88/2019/NĐ-CP có hiệu lực thi hành (ngày 19/12/2009). + Hộ gia đình, cá nhân ở nông thôn không phải nộp Lệ phí địa chính. + Trường hợp hộ gia đình, cá nhân tại các phường nội thành thuộc thành phố, thị 	<ul style="list-style-type: none"> - Thông tư số 02/2015/TT-BTNMT ngày 27/01/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 43/2014/ND-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ; - Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai và sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư hướng dẫn thi hành Luật đất đai; - Quyết định số 19/2017/QĐ-UBND ngày 05/10/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái ban hành quy định chi tiết thi hành một số điều, khoản của Luật Đất đai, Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 và Nghị

				xã được cấp GCN ở nông thôn thì không được miễn lệ phí cấp GCN.	<p>định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;</p> <p>- Nghị quyết số 22/2020/QĐ-UBND ngày 04/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Yên Bái về ban hành một số loại phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh Yên Bái thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh.</p>
5	Đăng ký xác lập quyền sử dụng hạn chế thừa đất liền kề sau khi được cấp Giấy chứng nhận lần đầu và đăng ký thay đổi, chấm dứt quyền sử dụng hạn chế thừa đất liền kề	Trong thời gian không quá 10 ngày làm việc	- Đối tượng là tổ chức, cơ sở tôn giáo; người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài thực hiện dự án đầu tư; tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao; Nộp hồ sơ tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Yên Bái tổ 14, đường Điện Biên, phường Đồng Tâm, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái - Tầng 1, Trung tâm Hội nghị tỉnh	Lệ phí địa chính theo khoản 5, Điều 3 Nghị quyết số 22/2020/NQ-UBND ngày 04/7/2020 của HĐND tỉnh Yên Bái (<i>Áp dụng mức thu đối với tổ chức tại Mục 3</i>)	<p>- Luật số 45/2013/QH13 ngày 29/11/2013;</p> <p>- Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;</p> <p>- Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;</p> <p>- Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về Hồ sơ địa chính;</p> <p>- Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất;</p>
		Trong thời gian không quá 10 ngày làm việc	- Đối tượng là hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư, người Việt Nam định cư ở nước ngoài được sở	Lệ phí địa chính theo khoản 5, Điều 3 Nghị quyết số 22/2020/NQ-UBND ngày 04/7/2020 của HĐND tỉnh Yên Bái (<i>Áp dụng mức</i>	<p>- Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một</p>

			<p>hữu nhà ở gắn liền với quyền sử dụng đất ở tại Việt Nam.</p> <p>Nộp hồ sơ tại các Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai qua một trong hai địa điểm sau:</p> <p>Bộ phận Phục vụ hành chính công cấp huyện hoặc Bộ phận Phục vụ hành chính công cấp xã</p>	<p><i>thu đối với hộ gia đình, cá nhân tại Mục 1, Mục 2)</i></p> <p><u>Đối tượng miễn giảm:</u></p> <p>+ Trường hợp đã được cấp GCN (theo các mẫu giấy cũ) đã cấp trước ngày Nghị định số 88/2019/NĐ-CP có hiệu lực thi hành (ngày 19/12/2009).</p> <p>+ Hộ gia đình, cá nhân ở nông thôn không phải nộp Lệ phí địa chính.</p> <p>+ Trường hợp hộ gia đình, cá nhân tại các phường nội thành thuộc thành phố, thị xã được cấp GCN ở nông thôn thì không được miễn lệ phí cấp GCN.</p>	<p>số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai và sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư hướng dẫn thi hành Luật đất đai;</p> <p>- Quyết định số 19/2017/QĐ-UBND ngày 05/10/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái ban hành quy định chi tiết thi hành một số điều, khoản của Luật Đất đai, Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 và Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;</p> <p>- Nghị quyết số 22/2020/QĐ-UBND ngày 04/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Yên Bái về ban hành một số loại phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh Yên Bái thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh.</p>
6	<p>Gia hạn sử dụng đất ngoài khu công nghệ cao, khu kinh tế</p>	<p>- Đối với các xã, phường thuộc thành phố Yên Bái, các phường thuộc thị xã Nghĩa Lộ và các thị trấn thuộc huyện: Trong thời hạn 7 ngày làm việc;</p> <p>- Đối với các xã còn lại: Thời</p>	<p>- Đối tượng là tổ chức, cơ sở tôn giáo; người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài thực hiện dự án đầu tư; tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao: Nộp hồ sơ tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Yên Bái tổ 14, đường Điện Biên,</p>	<p>- Lệ phí địa chính theo khoản 5, Điều 3 Nghị quyết số 22/2020/NQ-UBND ngày 04/7/2020 của HĐND tỉnh Yên Bái (<i>Áp dụng mức thu đối với tổ chức tại Mục 3)</i></p>	<p>- Luật số 45/2013/QH13 ngày 29/11/2013;</p> <p>- Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;</p> <p>- Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;</p> <p>- Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về Hồ sơ địa chính;</p>

		gian thực hiện 17 ngày làm việc.	phường Đồng Tâm, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái - Tầng 1, Trung tâm Hội nghị tỉnh		- Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ trưởng Bộ TNMT quy định về Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất;
		<p>- Đối với các xã, phường thuộc thành phố Yên Bái, các phường thuộc thị xã Nghĩa Lộ và các thị trấn thuộc huyện: Trong thời hạn 7 ngày làm việc;</p> <p>- Đối với các xã còn lại: Thời gian thực hiện 17 ngày làm việc.</p>	<p>- Đối tượng là hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư, người Việt Nam định cư ở nước ngoài được sở hữu nhà ở gắn liền với quyền sử dụng đất ở tại Việt Nam;</p> <p>Nộp hồ sơ tại các Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai qua một trong hai địa điểm sau:</p> <p>Bộ phận Phục vụ hành chính công cấp huyện hoặc Bộ phận Phục vụ hành chính công cấp xã</p>	<p>- Lệ phí địa chính theo khoản 5, Điều 3 Nghị quyết số 22/2020/NQ-UBND ngày 04/7/2020 của HĐND tỉnh Yên Bái (<i>Áp dụng mức thu đối với hộ gia đình, cá nhân tại Mục 1, Mục 2</i>)</p> <p><u>Đối tượng miễn giảm:</u></p> <p>+ Trường hợp đã được cấp GCN (theo các mẫu giấy cũ) đã cấp trước ngày Nghị định số 88/2019/NĐ-CP có hiệu lực thi hành (ngày 19/12/2009).</p> <p>+ Hộ gia đình, cá nhân ở nông thôn không phải nộp Lệ phí địa chính.</p> <p>+ Trường hợp hộ gia đình, cá nhân tại các phường nội thành thuộc thành phố, thị xã được cấp GCN ở nông thôn thì không được miễn lệ phí cấp GCN.</p>	<p>- Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai và sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư hướng dẫn thi hành Luật đất đai;</p> <p>- Quyết định số 19/2017/QĐ-UBND ngày 05/10/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái ban hành quy định chi tiết thi hành một số điều, khoản của Luật Đất đai, Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 và Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;</p> <p>- Nghị quyết số 22/2020/QĐ-UBND ngày 04/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Yên Bái về ban hành một số loại phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh Yên Bái thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh.</p>
7	Tách thửa hoặc hợp thửa đất	- Đối với các xã, phường thuộc	- Đối tượng là tổ chức, cơ sở tôn giáo; người	- Lệ phí địa chính theo khoản 5, Điều 3 Nghị quyết	- Luật số 45/2013/QH13 ngày 29/11/2013;

	<p>thành phố Yên Bái, các phường thuộc thị xã Nghĩa Lộ và các thị trấn thuộc huyện. Trong thời hạn 15 ngày làm việc;</p> <p>- Đối với các xã còn lại: Thời gian thực hiện 25 ngày làm việc.</p>	<p>Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài thực hiện dự án đầu tư; tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao: Nộp hồ sơ tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Yên Bái tổ 14, đường Điện Biên, phường Đồng Tâm, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái - Tầng 1, Trung tâm Hội nghị tỉnh</p>	<p>số 22/2020/NQ-UBND ngày 04/7/2020 của HĐND tỉnh Yên Bái (<i>Áp dụng mức thu đối với tổ chức tại Mục 3</i>)</p>	<p>- Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;</p> <p>- Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;</p> <p>- Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về Hồ sơ địa chính;</p> <p>- Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất;</p> <p>- Quyết định số 19/2017/QĐ-UBND ngày 05/10/2017 của UBND tỉnh Yên Bái ban hành quy định chi tiết thi hành một số điều, khoản của Luật Đất đai, Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 và Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;</p> <p>- Nghị quyết số 22/2020/QĐ-UBND ngày 04/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Yên Bái về ban hành một số loại phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh Yên Bái thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh.</p>
	<p>- Đối với các xã, phường thuộc thành phố Yên Bái, các phường thuộc thị xã Nghĩa Lộ và các thị trấn thuộc huyện: Trong thời hạn 15 ngày làm việc;</p> <p>- Đối với các xã còn lại: Thời gian thực hiện 25 ngày làm việc.</p>	<p>- Đối tượng là hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư, người Việt Nam định cư ở nước ngoài được sở hữu nhà ở gắn liền với quyền sử dụng đất ở tại Việt Nam;</p> <p>Nộp hồ sơ tại các Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai qua một trong hai địa điểm sau:</p> <p>Bộ phận Phục vụ hành chính công cấp huyện hoặc Bộ phận Phục vụ</p>	<p>- Lệ phí địa chính theo khoản 5, Điều 3 Nghị quyết số 22/2020/NQ-UBND ngày 04/7/2020 của HĐND tỉnh Yên Bái (<i>Áp dụng mức thu đối với hộ gia đình, cá nhân tại Mục 1, Mục 2</i>)</p> <p><u>Đối tượng miễn giảm:</u></p> <p>+ Trường hợp đã được cấp GCN (theo các mẫu giấy cũ) đã cấp trước ngày Nghị định số 88/2019/NĐ-CP có hiệu lực thi hành (ngày 19/12/2009).</p> <p>+ Hộ gia đình, cá nhân ở</p>	

			hành chính công cấp xã	nông thôn không phải nộp Lệ phí địa chính. + Trường hợp hộ gia đình, cá nhân tại các phường nội thành thuộc thành phố, thị xã được cấp GCN ở nông thôn thì không được miễn lệ phí cấp GCN.	
8	Cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất	- Đối với các xã, phường thuộc thành phố Yên Bái, các phường thuộc thị xã Nghĩa Lộ và các thị trấn thuộc huyện: Trong thời hạn 7 ngày làm việc;	- Đối tượng là tổ chức, cơ sở tôn giáo; người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài thực hiện dự án đầu tư; tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao; Nộp hồ sơ tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Yên Bái tổ 14, đường Điện Biên, phường Đồng Tâm, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái - Tầng 1, Trung tâm Hội nghị tỉnh	- Lệ phí địa chính theo khoản 5, Điều 3 Nghị quyết số 22/2020/NQ-UBND ngày 04/7/2020 của HĐND tỉnh Yên Bái (<i>Áp dụng mức thu đối với tổ chức tại Mục 3</i>)	- Luật số 45/2013/QH13 ngày 29/11/2013; - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai; - Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về Hồ sơ địa chính; - Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất;
		* Cấp đổi đơn lẻ - Đối với các xã, phường thuộc thành phố Yên Bái, các phường	- Đối tượng là hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư, người Việt Nam định cư ở nước ngoài được sở	- Lệ phí địa chính theo khoản 5, Điều 3 Nghị quyết số 22/2020/NQ-UBND ngày 04/7/2020 của HĐND tỉnh Yên Bái (<i>Áp dụng mức</i>	- Quyết định số 19/2017/QĐ-UBND ngày 05/10/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái ban hành quy định chi tiết thi hành một số điều, khoản của Luật Đất đai, Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014

		<p>thuộc thị xã Nghĩa Lộ và các thị trấn thuộc huyện: Trong thời hạn 7 ngày làm việc;</p> <p>- Đối với các xã còn lại: Thời gian thực hiện 17 ngày làm việc.</p> <p>* Cấp đổi đồng loạt</p> <p>- Đối với các xã, phường thuộc thành phố Yên Bái, các phường thuộc thị xã Nghĩa Lộ và các thị trấn thuộc huyện: Trong thời hạn 50 ngày làm việc;</p> <p>- Đối với các xã còn lại: Thời gian thực hiện 60 ngày làm việc.</p>	<p>hữu nhà ở gắn liền với quyền sử dụng đất ở tại Việt Nam:</p> <p>Nộp hồ sơ tại các Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai qua một trong hai địa điểm sau:</p> <p>Bộ phận Phục vụ hành chính cấp huyện hoặc Bộ phận Phục vụ hành chính công cấp xã</p>	<p><i>thu đối với hộ gia đình, cá nhân tại Mục 1, Mục 2)</i></p> <p><u>Đối tượng miễn giảm:</u></p> <p>+ Trường hợp đã được cấp GCN (theo các mẫu giấy cũ) đã cấp trước ngày Nghị định số 88/2019/ND-CP có hiệu lực thi hành (ngày 19/12/2009).</p> <p>+ Hộ gia đình, cá nhân ở nông thôn không phải nộp Lệ phí địa chính.</p> <p>+ Trường hợp hộ gia đình, cá nhân tại các phường nội thành thuộc thành phố, thị xã được cấp GCN ở nông thôn thì không được miễn lệ phí cấp GCN.</p>	<p>và Nghị định số 01/2017/ND-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;</p> <p>- Nghị quyết số 22/2020/QĐ-UBND ngày 04/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Yên Bái về ban hành một số loại phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh Yên Bái thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh.</p>
--	--	--	--	---	--

9	Đính chính Giấy chứng nhận đã cấp	<p>- Đối với các xã, phường thuộc thành phố Yên Bái, các phường thuộc thị xã Nghĩa Lộ và các thị trấn thuộc huyện: Trong thời hạn 10 ngày làm việc;</p> <p>- Đối với các xã còn lại: Thời gian thực hiện 19 ngày làm việc.</p>	<p>- Đối tượng là tổ chức, cơ sở tôn giáo; người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài thực hiện dự án đầu tư; tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao: Nộp hồ sơ tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Yên Bái tổ 14, đường Điện Biên, phường Đồng Tâm, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái - Tầng 1, Trung tâm Hội nghị tỉnh</p>	<p>- Lệ phí địa chính theo khoản 5, Điều 3 Nghị quyết số 22/2020/NQ-UBND ngày 04/7/2020 của HĐND tỉnh Yên Bái (<i>Áp dụng mức thu đối với tổ chức tại Mục 3</i>)</p>	<p>- Luật số 45/2013/QH13 ngày 29/11/2013;</p> <p>- Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;</p> <p>- Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;</p> <p>- Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về Hồ sơ địa chính;</p> <p>- Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất;</p> <p>- Quyết định số 19/2017/QĐ-UBND ngày 05/10/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái ban hành quy định chi tiết thi hành một số điều, khoản của Luật Đất đai, Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 và Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;</p> <p>- Nghị quyết số 22/2020/QĐ-UBND ngày 04/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Yên Bái về ban hành một số loại phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh Yên Bái thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh.</p>
		<p>- Đối với các xã, phường thuộc thành phố Yên Bái, các phường thuộc thị xã Nghĩa Lộ và các thị trấn thuộc huyện: Trong thời hạn 10 ngày làm việc;</p> <p>- Đối với các xã còn lại: Thời gian thực hiện</p>	<p>- Đối tượng là hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư, người Việt Nam định cư ở nước ngoài được sở hữu nhà ở gắn liền với quyền sử dụng đất ở tại Việt Nam:</p> <p>Nộp hồ sơ tại các Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai qua một trong hai địa điểm sau: Bộ phận Phục vụ hành</p>	<p>- Lệ phí địa chính theo khoản 5, Điều 3 Nghị quyết số 22/2020/NQ-UBND ngày 04/7/2020 của HĐND tỉnh Yên Bái (<i>Áp dụng mức thu đối với hộ gia đình, cá nhân tại Mục 1, Mục 2</i>)</p> <p><u>Đối tượng miễn giảm:</u></p> <p>+ Trường hợp đã được cấp GCN (theo các mẫu giấy cũ) đã cấp trước ngày Nghị định số 88/2019/NĐ-CP có hiệu lực thi hành (ngày</p>	

		20 ngày làm việc.	chính công cấp huyện hoặc Bộ phận Phục vụ hành chính công cấp xã	19/12/2009). + Hộ gia đình, cá nhân ở nông thôn không phải nộp Lệ phí địa chính. + Trường hợp hộ gia đình, cá nhân tại các phường nội thành thuộc thành phố, thị xã được cấp GCN ở nông thôn thì không được miễn lệ phí cấp GCN.	
10	Đăng ký và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất lần đầu	- Đối với các xã, phường thuộc thành phố Yên Bái, các phường thuộc thị xã Nghĩa Lộ và các thị trấn thuộc huyện: Trong thời hạn 30 ngày làm việc;	- Đối tượng là tổ chức, cơ sở tôn giáo; người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài thực hiện dự án đầu tư; tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao: Nộp hồ sơ tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Yên Bái tổ 14, đường Điện Biên, phường Đồng Tâm, thành phố Yên Bái - Tầng 1, Trung tâm Hội nghị tỉnh	- Lệ phí địa chính theo khoản 5, Điều 3 Nghị quyết số 22/2020/NQ-UBND ngày 04/7/2020 của HĐND tỉnh Yên Bái (<i>Áp dụng mức thu đối với tổ chức tại Mục 3</i>)	- Luật số 45/2013/QH13 ngày 29/11/2013; - Nghị định số 43/2014/ND-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; - Nghị định số 01/2017/ND-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai; - Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ địa chính; - Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất;
		- Đối với các xã, phường thuộc thành phố Yên Bái	- Đối tượng là hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư, người	- Lệ phí địa chính theo khoản 5, Điều 3 Nghị quyết số 22/2020/NQ-UBND	- Thông tư số 02/2015/TT-BTNMT ngày 27/01/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường

		<p>Bái, các phường thuộc thị xã Nghĩa Lộ và các thị trấn thuộc huyện: Trong thời hạn 30 ngày làm việc;</p> <p>- Đối với các xã còn lại: Thời gian thực hiện 40 ngày làm việc.</p>	<p>Việt Nam định cư ở nước ngoài được sở hữu nhà ở gắn liền với quyền sử dụng đất ở tại Việt Nam:</p> <p>Nộp hồ sơ tại các Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai qua một trong hai địa điểm sau:</p> <p>Bộ phận Phục vụ hành chính công cấp huyện hoặc Bộ phận Phục vụ hành chính công cấp xã</p>	<p>ngày 04/7/2020 của HĐND tỉnh Yên Bái (<i>Áp dụng mức thu đối với hộ gia đình, cá nhân tại Mục 1, Mục 2</i>)</p> <p><u>Đối tượng miễn giảm:</u></p> <p>+ Trường hợp đã được cấp GCN (theo các mẫu giấy cũ) đã cấp trước ngày Nghị định số 88/2019/NĐ-CP có hiệu lực thi hành (ngày 19/12/2009).</p> <p>+ Hộ gia đình, cá nhân ở nông thôn không phải nộp Lệ phí địa chính.</p> <p>+ Trường hợp hộ gia đình, cá nhân tại các phường nội thành thuộc thành phố, thị xã được cấp GCN ở nông thôn thì không được miễn lệ phí cấp GCN.</p>	<p>Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ;</p> <p>- Quyết định số 19/2017/QĐ-UBND ngày 05/10/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái ban hành quy định chi tiết thi hành một số điều, khoản của Luật Đất đai, Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 và Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;</p> <p>- Nghị quyết số 22/2020/QĐ-UBND ngày 04/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Yên Bái về ban hành một số loại phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh Yên Bái thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh.</p>
11	<p>Cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho người đã đăng ký quyền sử dụng đất lần đầu</p>	<p>- Đối với các xã, phường thuộc thành phố Yên Bái, các phường thuộc thị xã Nghĩa Lộ và các thị trấn thuộc huyện: Trong thời hạn 30 ngày làm việc;</p>	<p>- Đối tượng là tổ chức, cơ sở tôn giáo; người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài thực hiện dự án đầu tư; tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao: Nộp hồ sơ tại Trung tâm Phục vụ hành chính</p>	<p>- Lệ phí địa chính theo khoản 5, Điều 3 Nghị quyết số 22/2020/NQ-UBND ngày 04/7/2020 của HĐND tỉnh Yên Bái (<i>Áp dụng mức thu đối với tổ chức tại Mục 3</i>)</p>	<p>- Luật số 45/2013/QH13 ngày 29/11/2013;</p> <p>- Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;</p> <p>- Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;</p> <p>- Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và</p>

		<p>- Đối với các xã còn lại: Thời gian thực hiện 40 ngày làm việc.</p> 	<p>công tỉnh Yên Bái tổ 14, đường Điện Biên, phường Đồng Tâm, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái - Tầng 1, Trung tâm Hội nghị tỉnh</p>		<p>Môi trường quy định về Hồ sơ địa chính;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất; - Quyết định số 19/2017/QĐ-UBND ngày 05/10/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái ban hành quy định chi tiết thi hành một số điều, khoản của Luật Đất đai, Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 và Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; - Nghị quyết số 22/2020/QĐ-UBND ngày 04/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Yên Bái về ban hành một số loại phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh Yên Bái thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh.
	<p>- Đối với các xã, phường thuộc thành phố Yên Bái, các phường thuộc thị xã Nghĩa Lộ và các thị trấn thuộc huyện: Trong thời hạn 30 ngày làm việc;</p> <p>- Đối với các xã còn lại: Thời gian thực hiện 40 ngày làm việc.</p>	<p>- Đối tượng là hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư, người Việt Nam định cư ở nước ngoài được sở hữu nhà ở gắn liền với quyền sử dụng đất ở tại Việt Nam:</p> <p>Nộp hồ sơ tại các Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai qua một trong hai địa điểm sau:</p> <p>Bộ phận Phục vụ hành chính công cấp huyện hoặc Bộ phận Phục vụ hành chính công cấp xã</p>	<p>- Đối tượng là hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư, người Việt Nam định cư ở nước ngoài được sở hữu nhà ở gắn liền với quyền sử dụng đất ở tại Việt Nam:</p> <p>Nộp hồ sơ tại các Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai qua một trong hai địa điểm sau:</p> <p>Bộ phận Phục vụ hành chính công cấp huyện hoặc Bộ phận Phục vụ hành chính công cấp xã</p>	<p>- Lệ phí địa chính theo khoản 5, Điều 3 Nghị quyết số 22/2020/NQ-UBND ngày 04/7/2020 của HĐND tỉnh Yên Bái (<i>Áp dụng mức thu đối với hộ gia đình, cá nhân tại Mục 1, Mục 2</i>)</p> <p><u>Đối tượng miễn giảm:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> + Trường hợp đã được cấp GCN (theo các mẫu giấy cũ) đã cấp trước ngày Nghị định số 88/2019/NĐ-CP có hiệu lực thi hành (ngày 19/12/2009). + Hộ gia đình, cá nhân ở nông thôn không phải nộp Lệ phí địa chính. + Trường hợp hộ gia đình, cá nhân tại các phường nội thành thuộc thành phố, thị xã được cấp GCN ở nông thôn thì không được miễn lệ phí cấp GCN. 	


12	<p>Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất lần đầu đối với tài sản gắn liền với đất mà chủ sở hữu không đồng thời là người sử dụng đất</p>	<p>- Đối với các xã, phường thuộc thành phố Yên Bái, các phường thuộc thị xã Nghĩa Lộ và các thị trấn thuộc huyện: Trong thời hạn 30 ngày làm việc;</p> <p>- Đối với các xã còn lại: Thời gian thực hiện 40 ngày làm việc.</p>	<p>- Đối tượng là tổ chức, cơ sở tôn giáo; người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài thực hiện dự án đầu tư; tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao: Nộp hồ sơ tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Yên Bái tổ 14, đường Điện Biên, phường Đồng Tâm, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái - Tầng 1, Trung tâm Hội nghị tỉnh</p>	<p>- Lệ phí địa chính theo khoản 5, Điều 3 Nghị quyết số 22/2020/NQ-UBND ngày 04/7/2020 của HĐND tỉnh Yên Bái (<i>Áp dụng mức thu đối với tổ chức tại Mục 3</i>)</p> <p>- Lệ phí địa chính theo khoản 5, Điều 3 Nghị quyết số 22/2020/NQ-UBND ngày 04/7/2020 của HĐND tỉnh Yên Bái (<i>Áp dụng mức thu đối với hộ gia đình, cá nhân tại Mục 1, Mục 2</i>)</p> <p><u>Đối tượng miễn giảm:</u></p> <p>+ Trường hợp đã được cấp GCN (theo các mẫu giấy cũ) đã cấp trước ngày Nghị định số 88/2019/NĐ-CP có hiệu lực thi hành (ngày</p>	<p>- Luật số 45/2013/QH13 ngày 29/11/2013;</p> <p>- Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;</p> <p>- Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;</p> <p>- Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về Hồ sơ địa chính;</p> <p>- Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất;</p> <p>- Thông tư số 02/2015/TT-BTNMT ngày 27/01/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ ;</p> <p>- Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai và sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư hướng dẫn thi hành</p>
----	--	--	---	---	--

		<p>40 ngày làm việc.</p> <p>hoặc Bộ phận Phục vụ hành chính công cấp xã</p>		<p>19/12/2009).</p> <p>+ Hộ gia đình, cá nhân ở nông thôn không phải nộp Lệ phí địa chính.</p> <p>+ Trường hợp hộ gia đình, cá nhân tại các phường nội thành thuộc thành phố, thị xã được cấp GCN ở nông thôn thì không được miễn lệ phí cấp GCN.</p>	<p>Luật đất đai;</p> <p>- Quyết định số 19/2017/QĐ-UBND ngày 05/10/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái ban hành quy định chi tiết thi hành một số điều, khoản của Luật Đất đai, Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 và Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;</p> <p>- Nghị quyết số 22/2020/QĐ-UBND ngày 04/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Yên Bái về ban hành một số loại phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh Yên Bái thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh.</p>
13	<p>Đăng ký thay đổi tài sản gắn liền với đất vào Giấy chứng nhận đã cấp</p>	<p>- Đối với các xã, phường thuộc thành phố Yên Bái, các phường thuộc thị xã Nghĩa Lộ và các thị trấn thuộc huyện: Trong thời hạn 15 ngày làm việc;</p> <p>- Đối với các xã còn lại: Thời gian thực hiện 25 ngày làm việc.</p>	<p>- Đối tượng là tổ chức, cơ sở tôn giáo; người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài thực hiện dự án đầu tư; tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao: Nộp hồ sơ tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Yên Bái tổ 14, đường Điện Biên, phường Đồng Tâm, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái - Tầng 1, Trung tâm Hội nghị</p>	<p>- Lệ phí địa chính theo khoản 5, Điều 3 Nghị quyết số 22/2020/NQ-UBND ngày 04/7/2020 của HĐND tỉnh Yên Bái (<i>Áp dụng mức thu đối với tổ chức tại Mục 3</i>)</p>	<p>- Luật số 45/2013/QH13 ngày 29/11/2013;</p> <p>- Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;</p> <p>- Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;</p> <p>- Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về Hồ sơ địa chính;</p> <p>- Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà</p>

		<p>- Đối với các xã, phường thuộc thành phố Yên Bái, các phường thuộc thị xã Nghĩa Lộ và các thị trấn thuộc huyện: Trong thời hạn 15 ngày làm việc;</p> <p>- Đối với các xã còn lại: Thời gian thực hiện 25 ngày làm việc.</p>	<p>tỉnh</p> <p>- Đối tượng là hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư, người Việt Nam định cư ở nước ngoài được sở hữu nhà ở gắn liền với quyền sử dụng đất ở tại Việt Nam: Nộp hồ sơ tại các Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai qua một trong hai địa điểm sau: Bộ phận Phục vụ Hành chính công cấp huyện hoặc Bộ phận Phục vụ Hành chính công cấp xã</p>	<p>- Lệ phí địa chính theo khoản 5, Điều 3 Nghị quyết số 22/2020/NQ-UBND ngày 04/7/2020 của HĐND tỉnh Yên Bái (<i>Áp dụng mức thu đối với hộ gia đình, cá nhân tại Mục 1, Mục 2</i>)</p> <p><u>Đối tượng miễn giảm:</u></p> <p>+ Trường hợp đã được cấp GCN (theo các mẫu giấy cũ) đã cấp trước ngày Nghị định số 88/2019/NĐ-CP có hiệu lực thi hành (ngày 19/12/2009).</p> <p>+ Hộ gia đình, cá nhân ở nông thôn không phải nộp Lệ phí địa chính.</p> <p>+ Trường hợp hộ gia đình, cá nhân tại các phường nội thành thuộc thành phố, thị xã được cấp GCN ở nông thôn thì không được miễn lệ phí cấp GCN.</p>	<p>ở và tài sản khác gắn liền với đất;</p> <p>- Thông tư số 02/2015/TT-BTNMT ngày 27/01/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ ;</p> <p>- Quyết định số 19/2017/QĐ-UBND ngày 05/10/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái ban hành quy định chi tiết thi hành một số điều, khoản của Luật Đất đai, Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 và Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;</p> <p>- Nghị quyết số 22/2020/QĐ-UBND ngày 04/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Yên Bái về ban hành một số loại phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh Yên Bái thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh.</p>
14	<p>Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho người</p>	<p>- Đối với các xã, phường thuộc thành phố Yên Bái, các phường thuộc thị xã Nghĩa Lộ và các</p>	<p>- Đối tượng là tổ chức, cơ sở tôn giáo; người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài thực hiện</p>	<p>- Lệ phí địa chính theo khoản 5, Điều 3 Nghị quyết số 22/2020/NQ-UBND ngày 04/7/2020 của HĐND tỉnh Yên Bái (<i>Áp dụng mức thu đối với tổ chức tại Mục</i></p>	<p>- Luật số 45/2013/QH13 ngày 29/11/2013;</p> <p>- Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;</p> <p>- Nghị định số 76/2015/NĐ-CP ngày 10</p>

<p>nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, mua nhà ở, công trình xây dựng trong các dự án phát triển nhà ở</p>	<p>thị trấn thuộc huyện: Trong thời hạn 15 ngày làm việc.</p> <p>- Đối với các xã còn lại: Thời gian thực hiện 25 ngày làm việc.</p>	<p>dự án đầu tư; tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao: Nộp hồ sơ tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Yên Bái tổ 14, đường Điện Biên, phường Đồng Tâm, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái - Tầng 1, Trung tâm Hội nghị tỉnh</p>	<p>3)</p> <p>- Phí thẩm định cấp quyền sử dụng đất áp dụng theo bảng mức thu phí điểm b Khoản 7 Điều 2 Nghị quyết số 22/2020/NQ-UBND ngày 04/7/2020 của HĐND tỉnh Yên Bái (<i>Áp dụng mức thu của tổ chức tại Mục II</i>)</p>	<p>tháng 9 năm 2015 của Chính phủ;</p> <p>- Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;</p> <p>- Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về Hồ sơ địa chính;</p> <p>- Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất;</p> <p>- Quyết định số 19/2017/QĐ-UBND ngày 05/10/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái ban hành quy định chi tiết thi hành một số điều, khoản của Luật Đất đai, Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 và Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;</p> <p>- Nghị quyết số 22/2020/QĐ-UBND ngày 04/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Yên Bái về ban hành một số loại phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh Yên Bái thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh.</p>
	<p>- Đối với các xã, phường thuộc thành phố Yên Bái, các phường thuộc thị xã Nghĩa Lộ và các thị trấn thuộc huyện: Trong thời hạn 15 ngày làm việc;</p> <p>- Đối với các xã còn lại: Thời gian thực hiện 25 ngày làm việc.</p>	<p>- Đối tượng là hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư, người Việt Nam định cư ở nước ngoài được sở hữu nhà ở gắn liền với quyền sử dụng đất ở tại Việt Nam: Nộp hồ sơ tại các Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai qua một trong hai địa điểm sau:</p> <p>Bộ phận Phục vụ hành chính công cấp huyện hoặc Bộ phận Phục vụ hành chính công cấp xã</p>	<p>- Lệ phí địa chính theo khoản 5, Điều 3 Nghị quyết số 22/2020/NQ-UBND ngày 04/7/2020 của HĐND tỉnh Yên Bái (<i>Áp dụng mức thu đối với hộ gia đình, cá nhân tại Mục 1, Mục 2</i>)</p> <p><u>Đối tượng miễn giảm:</u></p> <p>+ Trường hợp đã được cấp GCN (theo các mẫu giấy cũ) đã cấp trước ngày Nghị định số 88/2019/NĐ-CP có hiệu lực thi hành (ngày 19/12/2009).</p> <p>+ Hộ gia đình, cá nhân ở nông thôn không phải nộp Lệ phí địa chính.</p> <p>+ Trường hợp hộ gia đình, cá nhân tại các phường nội</p>	

				<p>thành thuộc thành phố, thị xã được cấp GCN ở nông thôn thì không được miễn lệ phí cấp GCN.</p> <p>- Phí thẩm định cấp quyền sử dụng đất áp dụng theo bảng mức thu phí điểm b Khoản 7 Điều 2 Nghị quyết số 22/2020/NQ-UBND ngày 04/7/2020 của HĐND tỉnh Yên Bái (<i>Áp dụng mức thu của hộ gia đình, cá nhân tại Mục I</i>)</p>	
15	Bán hoặc góp vốn bằng tài sản gắn liền với đất thuê của Nhà nước theo hình thức thuê đất trả tiền hàng năm	<p>- Đối với các xã, phường thuộc thành phố Yên Bái, các phường thuộc thị xã Nghĩa Lộ và các thị trấn thuộc huyện: Trong thời hạn 30 ngày làm việc;</p> <p>- Đối với các xã còn lại: Thời gian thực hiện 40 ngày làm việc.</p>	<p>- Đối tượng là tổ chức, cơ sở tôn giáo; người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài thực hiện dự án đầu tư; tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao: Nộp hồ sơ tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Yên Bái tổ 14, đường Điện Biên, phường Đồng Tâm, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái - Tầng 1, Trung tâm Hội nghị tỉnh</p>	<p>- Lệ phí địa chính theo khoản 5, Điều 3 Nghị quyết số 22/2020/NQ-UBND ngày 04/7/2020 của HĐND tỉnh Yên Bái (<i>Áp dụng mức thu đối với tổ chức tại Mục 3</i>)</p> <p>- Phí thẩm định cấp quyền sử dụng đất áp dụng theo bảng mức thu phí điểm b Khoản 7 Điều 2 Nghị quyết số 22/2020/NQ-UBND ngày 04/7/2020 của HĐND tỉnh Yên Bái (<i>Áp dụng mức thu của tổ chức tại Mục II</i>)</p>	<p>- Luật số 45/2013/QH13 ngày 29/11/2013;</p> <p>- Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;</p> <p>- Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;</p> <p>- Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về Hồ sơ địa chính;</p> <p>- Quyết định số 19/2017/QĐ-UBND ngày 05/10/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái ban hành quy định chi tiết thi hành một số điều, khoản của Luật Đất đai, Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 và</p>

		<p>- Đối với các xã, phường thuộc thành phố Yên Bái, các phường thuộc thị xã Nghĩa Lộ và các thị trấn thuộc huyện: Trong thời hạn 30 ngày làm việc;</p> <p>- Đối với các xã còn lại: Thời gian thực hiện 40 ngày làm việc.</p>	<p>- Đối tượng là hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư, người Việt Nam định cư ở nước ngoài được sở hữu nhà ở gắn liền với quyền sử dụng đất ở tại Việt Nam;</p> <p>Nộp hồ sơ tại các Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai qua một trong hai địa điểm sau:</p> <p>Bộ phận Phục vụ hành chính công cấp huyện hoặc Bộ phận Phục vụ hành chính công cấp xã</p>	<p> Lệ phí địa chính theo Khoản 5, Điều 3 Nghị quyết số 22/2020/NQ-UBND ngày 04/7/2020 của HĐND tỉnh Yên Bái (Áp dụng mức thu đối với hộ gia đình, cá nhân tại Mục 1, Mục 2)</p> <p><u>Đối tượng miễn giảm:</u></p> <p>+ Trường hợp đã được cấp GCN (theo các mẫu giấy cũ) đã cấp trước ngày Nghị định số 88/2019/NĐ-CP có hiệu lực thi hành (ngày 19/12/2009).</p> <p>+ Hộ gia đình, cá nhân ở nông thôn không phải nộp Lệ phí địa chính.</p> <p>+ Trường hợp hộ gia đình, cá nhân tại các phường nội thành thuộc thành phố, thị xã được cấp GCN ở nông thôn thì không được miễn lệ phí cấp GCN.</p> <p>- Phí thẩm định cấp quyền sử dụng đất áp dụng theo bảng mức thu phí điểm b Khoản 7 Điều 2 Nghị quyết số 22/2020/NQ-UBND ngày 04/7/2020 của HĐND tỉnh Yên Bái (Áp dụng</p>	<p>Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;</p> <p>- Nghị quyết số 22/2020/QĐ-UBND ngày 04/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Yên Bái về ban hành một số loại phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh Yên Bái thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh.</p>
--	--	--	--	---	---

16	<p>Đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trong các trường hợp giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo về đất đai; xử lý nợ hợp đồng thế chấp, góp vốn; kê biên, đấu giá quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất để thi hành án; chia, tách, hợp nhất, sáp nhập tổ chức; thỏa thuận hợp nhất hoặc phân chia quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất của nhóm người sử dụng đất; <i>đăng ký biến động đối với trường hợp hộ gia đình, cá nhân đưa quyền sử dụng đất vào doanh nghiệp</i></p>	<p>- Đối với các xã, phường thuộc thành phố Yên Bái, các phường thuộc thị xã Nghĩa Lộ và các thị trấn thuộc huyện: Trong thời hạn 10 ngày làm việc;</p> <p>- Đối với các xã còn lại: Thời gian thực hiện 20 ngày làm việc.</p> <p>- Đối với các xã, phường thuộc thành phố Yên Bái, các phường thuộc thị xã Nghĩa Lộ và các thị trấn thuộc huyện: Trong thời hạn 10 ngày làm việc;</p> <p>- Đối với các xã</p>	<p>- Đối tượng là tổ chức, cơ sở tôn giáo; người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài thực hiện dự án đầu tư; tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao: Nộp hồ sơ tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Yên Bái tổ 14, đường Điện Biên, phường Đồng Tâm, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái - Tầng 1, Trung tâm Hội nghị tỉnh</p> <p>- Đối tượng là hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư, người Việt Nam định cư ở nước ngoài được sở hữu nhà ở gắn liền với quyền sử dụng đất ở tại Việt Nam: Nộp hồ sơ tại các Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai qua một trong hai địa</p>	<p>mức thu của hộ gia đình, cá nhân tại Mục I)</p> <p>- Lệ phí địa chính theo khoản 5, Điều 3 Nghị quyết số 22/2020/NQ-UBND ngày 04/7/2020 của HĐND tỉnh Yên Bái (<i>Áp dụng mức thu đối với tổ chức tại Mục 3</i>)</p> <p>- Lệ phí địa chính theo khoản 5, Điều 3 Nghị quyết số 22/2020/NQ-UBND ngày 04/7/2020 của HĐND tỉnh Yên Bái (<i>Áp dụng mức thu đối với hộ gia đình, cá nhân tại Mục 1, Mục 2</i>)</p> <p><u>Đối tượng miễn giảm:</u></p> <p>+ Trường hợp đã được cấp GCN (theo các mẫu giấy cũ) đã cấp trước ngày Nghị</p>	<p>- Luật số 45/2013/QH13 ngày 29/11/2013;</p> <p>- Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;</p> <p>- Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;</p> <p>- Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về Hồ sơ địa chính;</p> <p>- Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất;</p> <p>- Thông tư số 02/2015/TT-BTNMT ngày 27/01/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ;</p> <p>- Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành</p>
----	--	--	--	---	--


		<p>còn lại: Thời gian thực hiện 20 ngày làm việc.</p> 	<p>điểm sau: Bộ phận Phục vụ hành chính công cấp huyện hoặc Bộ phận Phục vụ hành chính công cấp xã</p>	<p>định số 88/2019/NĐ-CP có hiệu lực thi hành (ngày 19/12/2009).</p> <p>+ Hộ gia đình, cá nhân ở nông thôn không phải nộp Lệ phí địa chính.</p> <p>+ Trường hợp hộ gia đình, cá nhân tại các phường nội thành thuộc thành phố, thị xã được cấp GCN ở nông thôn thì không được miễn lệ phí cấp GCN.</p>	<p>Luật đất đai và sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư hướng dẫn thi hành Luật đất đai;</p> <p>- Quyết định số 19/2017/QĐ-UBND ngày 05/10/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái ban hành quy định chi tiết thi hành một số điều, khoản của Luật Đất đai, Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 và Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;</p> <p>- Nghị quyết số 22/2020/QĐ-UBND ngày 04/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Yên Bái về ban hành một số loại phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh Yên Bái thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh.</p>
17	<p>Đăng ký biến động đối với trường hợp chuyển từ hình thức thuê đất trả tiền hàng năm sang thuê đất trả tiền một lần cho cả thời gian thuê hoặc từ giao đất không thu tiền sử dụng đất sang hình thức thuê đất hoặc từ thuê đất sang giao đất có thu tiền sử dụng đất</p>	<p>- Đối với các xã, phường thuộc thành phố Yên Bái, các phường thuộc thị xã Nghĩa Lộ và các thị trấn thuộc huyện: Trong thời hạn 30 ngày làm việc;</p> <p>- Đối với các xã còn lại: Thời gian thực hiện 40 ngày làm việc.</p>	<p>- Đối tượng là tổ chức, cơ sở tôn giáo; người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài thực hiện dự án đầu tư; tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao; Nộp hồ sơ tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Yên Bái tổ 14, đường Điện Biên, phường Đồng Tâm, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái -</p>	<p>- Lệ phí địa chính theo khoản 5 Điều 3 Nghị quyết số 22/2020/NQ-UBND ngày 04/7/2020 của HĐND tỉnh Yên Bái (<i>Áp dụng mức thu đối với tổ chức tại Mục 3</i>)</p> <p>- Phí thẩm định cấp quyền sử dụng đất áp dụng theo bảng mức thu phí điểm b Khoản 7 Điều 2 Nghị quyết số 22/2020/NQ-UBND ngày 04/7/2020 của HĐND tỉnh Yên Bái (<i>Áp dụng mức thu của tổ chức tại Mục II</i>)</p>	<p>- Luật số 45/2013/QH13 ngày 29/11/2013;</p> <p>- Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;</p> <p>- Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;</p> <p>- Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ trưởng Bộ TNMT quy định về Hồ sơ địa chính;</p> <p>- Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ trưởng Bộ TNMT quy định về Giấy chứng nhận quyền sử dụng</p>

			<p>Tầng 1, Trung tâm Hội nghị tỉnh</p>	<p>- Lệ phí địa chính theo khoản 5 Điều 3 Nghị quyết số 22/2020/NQ-UBND ngày 04/7/2020 của HĐND tỉnh Yên Bái (Áp dụng mức thu đối với hộ gia đình, cá nhân tại Mục 1, Mục 2)</p> <p><u>Đối tượng miễn giảm:</u></p> <p>+ Trường hợp đã được cấp GCN (theo các mẫu giấy cũ) đã cấp trước ngày Nghị định số 88/2019/NĐ-CP có hiệu lực thi hành (ngày 19/12/2009).</p> <p>+ Hộ gia đình, cá nhân ở nông thôn không phải nộp Lệ phí địa chính.</p> <p>+ Trường hợp hộ gia đình, cá nhân tại các phường nội thành thuộc thành phố, thị xã được cấp GCN ở nông thôn thì không được miễn lệ phí cấp GCN.</p> <p>- Phí thẩm định cấp quyền sử dụng đất áp dụng theo bảng mức thu phí điểm b Khoản 7 Điều 2 Nghị quyết số 22/2020/NQ-UBND</p>	<p>đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất;</p> <p>- Thông tư số 02/2015/TT-BTNMT ngày 27/01/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ;</p> <p>- Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai và sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư hướng dẫn thi hành Luật Đất đai;</p> <p>- Quyết định số 19/2017/QĐ-UBND ngày 05/10/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái ban hành quy định chi tiết thi hành một số điều, khoản của Luật Đất đai, Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 và Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;</p> <p>- Nghị quyết số 22/2020/QĐ-UBND ngày 04/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Yên Bái về ban hành một số loại phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh Yên Bái thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh.</p>
--	--	--	--	--	--


				ngày 04/7/2020 của HĐND tỉnh Yên Bái (<i>Áp dụng mức thu của hộ gia đình, cá nhân tại Mục 1</i>)	
18	Cấp lại Giấy chứng nhận hoặc cấp lại Trang bổ sung của Giấy chứng nhận do bị mất	 <p>- Đối với các xã, phường thuộc thành phố Yên Bái, các phường thuộc thị xã Nghĩa Lộ và các thị trấn thuộc huyện: Trong thời hạn 10 ngày làm việc;</p> <p>- Đối với các xã còn lại: Thời gian thực hiện 20 ngày làm việc.</p>	<p>Đối tượng là tổ chức, cơ sở tôn giáo; người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài thực hiện dự án đầu tư; tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao: Nộp hồ sơ tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Yên Bái tổ 14, đường Điện Biên, phường Đồng Tâm, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái - Tầng 1, Trung tâm Hội nghị tỉnh</p>	<p>Lệ phí địa chính theo khoản 5, Điều 3 Nghị quyết số 22/2020/NQ-UBND ngày 04/7/2020 của HĐND tỉnh Yên Bái (<i>Áp dụng mức thu đối với tổ chức tại Mục 3</i>)</p>	<p>- Luật số 45/2013/QH13 ngày 29/11/2013;</p> <p>- Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;</p> <p>- Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;</p> <p>- Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về Hồ sơ địa chính;</p> <p>- Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất;</p> <p>- Thông tư số 02/2015/TT-BTNMT ngày 27/01/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ;</p> <p>- Quyết định số 19/2017/QĐ-UBND ngày 05/10/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái</p>
			<p>- Đối với các xã, phường thuộc thành phố Yên Bái, các phường thuộc thị xã Nghĩa Lộ và các thị trấn thuộc huyện: Trong thời hạn 10 ngày</p>	<p>- Đối tượng là hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư, người Việt Nam định cư ở nước ngoài được sở hữu nhà ở gắn liền với quyền sử dụng đất ở tại Việt Nam: Nộp hồ sơ tại các Chi nhánh Văn</p>	

		<p>làm việc;</p> <p>- Đối với các xã còn lại: Thời gian thực hiện 20 ngày làm việc.</p>	<p>phòng Đăng ký đất đai qua một trong hai địa điểm sau:</p> <p>Bộ phận Phục vụ hành chính công cấp huyện hoặc Bộ phận Phục vụ hành chính công cấp xã</p>	<p>GCN (theo các mẫu giấy cũ) đã cấp trước ngày Nghị định số 88/2019/NĐ-CP có hiệu lực thi hành (ngày 19/12/2009).</p> <p>+ Hộ gia đình, cá nhân ở nông thôn không phải nộp Lệ phí địa chính.</p> <p>+ Trường hợp hộ gia đình, cá nhân tại các phường nội thành thuộc thành phố, thị xã được cấp GCN ở nông thôn thì không được miễn lệ phí cấp GCN.</p>	<p>Bãi ban hành quy định chi tiết thi hành một số điều, khoản của Luật Đất đai, Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 và Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;</p> <p>- Nghị quyết số 22/2020/QĐ-UBND ngày 04/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Yên Bái về ban hành một số loại phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh Yên Bái thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh.</p>
19	<p>Đăng ký chuyên mục đích sử dụng đất không phải xin phép cơ quan nhà nước có thẩm quyền</p>	<p>- 10 ngày tại các xã, phường thuộc thành phố Yên Bái, các phường thuộc thị xã Nghĩa Lộ và các thị trấn thuộc huyện</p> <p>- 20 ngày tại các xã còn lại</p>	<p>- Đối tượng là tổ chức, cơ sở tôn giáo; người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài thực hiện dự án đầu tư; tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao; Nộp hồ sơ tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Yên Bái tổ 14, đường Điện Biên, phường Đồng Tâm, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái - Tầng 1, Trung tâm Hội nghị</p>	<p>Lệ phí địa chính theo khoản 5 Điều 3 Nghị quyết số 22/2020/NQ-UBND ngày 04/7/2020 của HĐND tỉnh Yên Bái (<i>Áp dụng mức thu đối với tổ chức tại Mục 3</i>)</p>	<p>- Luật số 45/2013/QH13 ngày 29/11/2013;</p> <p>- Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;</p> <p>- Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;</p> <p>- Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ trưởng Bộ TNMT quy định về Hồ sơ địa chính;</p> <p>- Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất;</p>


			tỉnh		<ul style="list-style-type: none"> - Thông tư số 02/2015/TT-BTNMT ngày 27/01/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ; - Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai và sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư hướng dẫn thi hành Luật đất đai; - Quyết định số 19/2017/QĐ-UBND ngày 05/10/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái ban hành quy định chi tiết thi hành một số điều, khoản của Luật Đất đai, Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 và Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; - Nghị quyết số 22/2020/QĐ-UBND ngày 04/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Yên Bái về ban hành một số loại phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh Yên Bái thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh.
		 <ul style="list-style-type: none"> - 10 ngày tại các xã, phường thuộc thành phố Yên Bái, các phường thuộc thị xã Nghĩa Lộ và các thị trấn thuộc huyện - 20 ngày tại các xã còn lại 	<p>- Đối tượng là hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư, người Việt Nam định cư ở nước ngoài được sở hữu nhà ở gắn liền với quyền sử dụng đất ở tại Việt Nam: Nộp hồ sơ tại các Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai qua một trong hai địa điểm sau:</p> <p>Bộ phận Phục vụ hành chính công cấp huyện hoặc Bộ phận Phục vụ hành chính công cấp xã</p>	<p>Lệ phí địa chính theo khoản 5 Điều 3 Nghị quyết số 22/2020/NQ-UBND ngày 04/7/2020 của HĐND tỉnh Yên Bái (<i>Áp dụng mức thu đối với hộ gia đình, cá nhân tại Mục 1, Mục 2</i>)</p> <p><u>Đối tượng miễn giảm:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> + Trường hợp đã được cấp GCN (theo các mẫu giấy cũ) đã cấp trước ngày Nghị định số 88/2019/NĐ-CP có hiệu lực thi hành (ngày 19/12/2009). + Hộ gia đình, cá nhân ở nông thôn không phải nộp Lệ phí địa chính. + Trường hợp hộ gia đình, cá nhân tại các phường nội thành thuộc thành phố, thị xã được cấp GCN ở nông thôn thì không được miễn lệ phí cấp GCN. 	
20	Chuyển nhượng vốn đầu tư là giá trị quyền sử dụng đất	- 10 ngày tại các xã, phường thuộc thành phố	- Đối tượng là tổ chức, cơ sở tôn giáo; người Việt Nam định cư ở	Lệ phí địa chính theo khoản 5 Điều 3 Nghị quyết số 22/2020/NQ-UBND	<ul style="list-style-type: none"> - Luật số 45/2013/QH13 ngày 29/11/2013; - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày

	<p>Yên Bái, các phường thuộc thị xã Nghĩa Lộ và các thị trấn thuộc huyện</p> <p>- 20 ngày tại các xã còn lại</p>	<p>nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài thực hiện dự án đầu tư; tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao: Nộp hồ sơ tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Yên Bái tổ 14, đường Điện Biên, phường Đồng Tâm, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái - Tầng 1, Trung tâm Hội nghị tỉnh</p>	<p>ngày 04/7/2020 của HĐND tỉnh Yên Bái (<i>Áp dụng mức thu đối với tổ chức tại Mục 3</i>)</p> 	<p>15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;</p> <p>- Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;</p> <p>- Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về Hồ sơ địa chính;</p> <p>- Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất;</p>
	<p>- 10 ngày tại các xã, phường thuộc thành phố Yên Bái, các phường thuộc thị xã Nghĩa Lộ và các thị trấn thuộc huyện</p> <p>- 20 ngày tại các xã còn lại</p>	<p>- Đối tượng là hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư, người Việt Nam định cư ở nước ngoài được sở hữu nhà ở gắn liền với quyền sử dụng đất ở tại Việt Nam: Nộp hồ sơ tại các Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai qua một trong hai địa điểm sau:</p> <p>Bộ phận Phục vụ hành chính công cấp huyện hoặc Bộ phận Phục vụ hành chính công cấp xã</p>	<p>Lệ phí địa chính theo khoản 5 Điều 3 Nghị quyết số 22/2020/NQ-UBND ngày 04/7/2020 của HĐND tỉnh Yên Bái (<i>Áp dụng mức thu đối với hộ gia đình, cá nhân tại Mục 1, Mục 2</i>)</p> <p><u>Đối tượng miễn giảm:</u></p> <p>+ Trường hợp đã được cấp GCN (theo các mẫu giấy cũ) đã cấp trước ngày Nghị định số 88/2019/NĐ-CP có hiệu lực thi hành (ngày 19/12/2009).</p> <p>+ Hộ gia đình, cá nhân ở nông thôn không phải nộp</p>	<p>- Thông tư số 02/2015/TT-BTNMT ngày 27/01/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ;</p> <p>- Quyết định số 19/2017/QĐ-UBND ngày 05/10/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái ban hành quy định chi tiết thi hành một số điều, khoản của Luật Đất đai, Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 và Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;</p> <p>- Nghị quyết số 22/2020/QĐ-UBND ngày 04/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Yên</p>

				<p>Lệ phí địa chính.</p> <p>+ Trường hợp hộ gia đình, cá nhân tại các phường nội thành thuộc thành phố, thị xã được cấp GCN ở nông thôn thì không được miễn lệ phí cấp GCN.</p>	<p>Bái về ban hành một số loại phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh Yên Bái thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh.</p>
21	<p>Xác nhận tiếp tục sử dụng đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân khi hết hạn sử dụng đất đối với trường hợp có nhu cầu</p>	<p>- Tại các xã, phường thuộc Thành phố Yên Bái, các phường thuộc Thị xã Nghĩa Lộ và các thị trấn thuộc huyện: Trong thời hạn không quá 5 ngày làm việc;</p> <p>- Tại các xã còn lại thời gian thực hiện 15 ngày làm việc</p>	 <p>Nộp hồ sơ tại các Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai qua một trong hai địa điểm sau:</p> <p>Bộ phận Phục vụ hành chính công cấp huyện hoặc Bộ phận Phục vụ hành chính công cấp xã</p>	<p>Lệ phí địa chính theo khoản 5 Điều 3 Nghị quyết số 22/2020/NQ-UBND ngày 04/7/2020 của HĐND (Áp dụng mức thu đối với hộ gia đình, cá nhân tại Mục 1, Mục 2)</p> <p><u>Đối tượng miễn giảm:</u></p> <p>+ Trường hợp đã được cấp GCN (theo các mẫu giấy cũ) đã cấp trước ngày Nghị định số 88/2019/NĐ-CP có hiệu lực thi hành (ngày 19/12/2009).</p> <p>+ Hộ gia đình, cá nhân ở nông thôn không phải nộp Lệ phí địa chính.</p> <p>+ Trường hợp hộ gia đình, cá nhân tại các phường nội thành thuộc thành phố, thị xã được cấp GCN ở nông thôn thì không được miễn lệ phí cấp GCN.</p>	<p>- Luật Đất đai số 45/2013/QH13 ngày 29/11/2013;</p> <p>- Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;</p> <p>- Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;</p> <p>- Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ trưởng Bộ TNMT quy định về Hồ sơ địa chính;</p> <p>- Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ trưởng Bộ TNMT quy định về Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất;</p> <p>- Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017 của Bộ trưởng Bộ TNMT Quy định chi tiết Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai và sửa</p>

					<p>đổi, bổ sung một số điều của các thông tư hướng dẫn thi hành Luật đất đai;</p> <p>- Quyết định số 19/2017/QĐ-UBND ngày 05/10/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái ban hành quy định chi tiết thi hành một số điều, khoản của Luật Đất đai, Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 và Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;</p> <p>- Nghị quyết số 22/2020/QĐ-UBND ngày 04/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Yên Bái về ban hành một số loại phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh Yên Bái thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh.</p>
22	Chuyển đổi quyền sử dụng đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân	<p>- Tại các xã, phường thuộc Thành phố Yên Bái, các phường thuộc Thị xã Nghĩa Lộ và các thị trấn thuộc huyện: Trong thời hạn không quá 10 ngày làm việc;</p> <p>- Tại các xã còn lại thời gian thực hiện 20 ngày làm việc</p>	<p>Nộp hồ sơ tại các Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai qua một trong hai địa điểm sau:</p> <p>Bộ phận Phục vụ hành chính công cấp huyện hoặc Bộ phận Phục vụ hành chính công cấp xã</p>	<p>Lệ phí địa chính theo khoản 5 Điều 3 Nghị quyết số 22/2020/NQ-UBND ngày 04/7/2020 của HĐND tỉnh Yên Bái (<i>Áp dụng mức thu đối với hộ gia đình, cá nhân tại Mục 1, Mục 2</i>)</p> <p><u>Đối tượng miễn giảm:</u></p> <p>+ Trường hợp đã được cấp GCN (theo các mẫu giấy cũ) đã cấp trước ngày Nghị định số 88/2019/NĐ-CP có hiệu lực thi hành (ngày 19/12/2009).</p> <p>+ Hộ gia đình, cá nhân ở</p>	<p>- Luật số 45/2013/QH13 ngày 29/11/2013;</p> <p>- Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;</p> <p>- Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai.</p> <p>- Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ địa chính;</p> <p>- Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về giấy chứng</p>

				<p>nông thôn không phải nộp Lệ phí địa chính.</p> <p>Trường hợp hộ gia đình, cá nhân tại các phường nội thành thuộc thành phố, thị xã được cấp GCN ở nông thôn thì không được miễn lệ phí cấp GCN.</p>	<p>nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất;</p> <p>- Thông tư số 02/2014/TT-BTC ngày 02/01/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;</p> <p>- Quyết định số 19/2017/QĐ-UBND ngày 05/10/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái ban hành quy định chi tiết thi hành một số điều, khoản của Luật Đất đai, Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 và Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;</p> <p>- Nghị quyết số 22/2020/QĐ-UBND ngày 04/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Yên Bái về ban hành một số loại phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh Yên Bái thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh.</p>
23	Gia hạn sử dụng đất nông nghiệp của cơ sở tôn giáo	07 ngày làm việc	<p>Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Yên Bái. Địa chỉ tổ 14, đường Điện Biên, phường Đồng Tâm, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái - Tầng 1, Trung tâm Hội nghị tỉnh</p>	<p>Lệ phí địa chính theo khoản 5 Điều 3 Nghị quyết số 22/2020/NQ-UBND ngày 04/7/2020 của HĐND (Áp dụng mức thu đối với hộ gia đình, cá nhân tại Mục 1, Mục 2)</p> <p><u>Đối tượng miễn giảm:</u></p> <p>+ Trường hợp đã được cấp GCN (theo các mẫu giấy</p>	<p>- Luật số 45/2013/QH13 ngày 29/11/2013;</p> <p>- Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;</p> <p>- Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai.</p> <p>- Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên</p>

				<p>cũ) đã cấp trước ngày Nghị định số 88/2019/NĐ-CP có hiệu lực thi hành (ngày 19/12/2009).</p> <p>+ Hộ gia đình, cá nhân ở nông thôn không phải nộp Lệ phí địa chính.</p> <p>+ Trường hợp hộ gia đình, cá nhân tại các phường nội thành thuộc thành phố, thị xã được cấp GCN ở nông thôn thì không được miễn lệ phí cấp GCN.</p>	<p>và Môi trường quy định về hồ sơ địa chính;</p> <p>- Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất;</p> <p>- Thông tư số 02/2014/TT-BTC ngày 02/01/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;</p> <p>- Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai và sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư hướng dẫn thi hành Luật đất đai;</p> <p>- Quyết định số 19/2017/QĐ-UBND ngày 05/10/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái ban hành quy định chi tiết thi hành một số điều, khoản của Luật Đất đai, Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 và Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;</p> <p>- Nghị quyết số 22/2020/QĐ-UBND ngày 04/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Yên</p>
--	--	--	--	---	--

				Bãi về ban hành một số loại phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh Yên Bái thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh.
II LĨNH VỰC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG				
1	Thẩm định, phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường/báo cáo đánh giá tác động môi trường lập lại	<p><i>Thời hạn kiểm tra, trả lời về tình đầy đủ và hợp lệ của hồ sơ: trong thời hạn thẩm định.</i></p> <p><i>- Thời hạn thông báo kết quả: 05 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc thẩm định.</i></p> <p><i>- Thời hạn thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường (không bao gồm thời gian hoàn thiện hồ sơ báo cáo đánh giá tác động môi trường của chủ Dự án):</i></p> <p><i>+ Tối đa là 30 (ba mươi) ngày làm việc kể từ ngày nhận được</i></p>	Nộp qua cổng dịch vụ công trực tuyến, trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Yên Bái, địa chỉ: Tổ 14, đường Điện Biên, phường Đồng Tâm, thành phố Yên Bái - Tầng 1, Trung tâm Hội nghị tỉnh.	<p>Nghị quyết số 22/2020/NQ-HĐND ngày 04/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành về việc ban hành một số loại phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh Yên Bái thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh.</p>
				<p>- Luật bảo vệ môi trường 2014;</p> <p>- Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;</p> <p>- Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường;</p> <p>- Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT ngày 31/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường và quy định quản lý hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường;</p> <p>- Thông tư số 250/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn phí và lệ phí thuộc thẩm quyền</p>


		<p>đầy đủ hồ sơ hợp lệ đối với trường hợp thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của các dự án thuộc Phụ lục II và loại hình thuộc Phụ lục IIa Mục I Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 40/2019/NĐ-CP.</p> <p>+ Tối đa là 25 (hai mươi lăm) ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ đối với trường hợp thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của các dự án thuộc Phụ lục II nhưng nhưng loại hình không thuộc Phụ lục</p>			<p>quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;</p> <p>- Nghị quyết số 22/2020/NQ-HĐND ngày 04/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành về việc ban hành một số loại phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh Yên Bái thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh.</p>
--	--	---	--	--	---

		<p>Ila Mục I Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 40/2019/NĐ-CP.</p> <p>+ Tôi đã là 20 (hai mươi) ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ đối với hình thức thẩm định thông qua việc lấy ý kiến cơ quan, tổ chức liên quan đối với các báo cáo đánh giá tác động môi trường của các dự án quy định tại khoản 4 Điều 14 Nghị định số 18/2015/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định 40/2019/NĐ-CP bao gồm các dự án thuộc đối</p>			
--	--	---	--	--	--

		<p>tượng phải lập lại báo cáo đánh giá tác động môi trường.</p> <p>- Thời hạn thông báo kết quả: 05 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc thẩm định.</p> <p>- Thời hạn phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường: tối đa là 20 (hai mươi) ngày làm việc.</p>			
2	<p>Chấp thuận về môi trường (Trường hợp dự án có những thay đổi được quy định tại khoản 2 Điều 26 Luật bảo vệ môi trường trong giai đoạn triển khai xây dựng dự án)</p>	<p>- Thời hạn kiểm tra, trả lời về tính đầy đủ và hợp lệ của hồ sơ: tối đa 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ.</p> <p>- Thời hạn xem xét, chấp thuận về môi trường: tối đa là 10 (mười) ngày làm việc kể từ ngày</p>	<p>Nộp qua công dịch vụ công trực tuyến, trực tiếp hoặc qua bưu điện Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Yên Bái, địa chỉ: Tổ 14, đường Điện Biên, phường Đồng Tâm, thành phố Yên Bái - Tầng 1, Trung tâm Hội nghị tỉnh</p>	Không quy định	<p>- Luật bảo vệ môi trường 2014;</p> <p>- Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;</p> <p>- Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường;</p> <p>- Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT ngày 31/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên</p>

		nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ.			và Môi trường Quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật bảo vệ môi trường và quy định quản lý hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường.
3	Kiểm tra, xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường theo quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án	<p>- Thời hạn kiểm tra, xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường: là 15 (mười lăm) ngày làm việc, không bao gồm thời gian chủ dự án hoàn thiện hồ sơ và thời gian phân tích mẫu chất thải (lấy mẫu tổ hợp trong trường hợp cần thiết).</p>	Nộp qua công dịch vụ công trực tuyến, trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Yên Bái, địa chỉ: Tổ 14, đường Điện Biên, phường Đồng Tâm, thành phố Yên Bái - Tầng 1, Trung tâm Hội nghị tỉnh	Không quy định	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Bảo vệ môi trường năm 2014; - Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường; - Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật bảo vệ môi trường; - Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT ngày 31/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật bảo vệ môi trường và quy định quản lý hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường.
4	Thẩm định, phê	- Thời hạn kiểm	Nộp qua công dịch vụ	Nghị quyết số	- Luật Bảo vệ môi trường số

<p>duyet phương án cải tạo, phục hồi môi trường trong khai thác khoáng sản (báo cáo riêng theo quy định tại điểm b khoản 1 và điểm b, điểm c khoản 2 Điều 5 Nghị định số 19/2015/NĐ-CP).</p>	<p><i>tra, trả lời về tính đầy đủ và hợp lệ của hồ sơ: Năm (05) ngày làm việc.</i></p> <p><i>- Thời hạn thẩm định hồ sơ: Trong thời hạn 35 (ba mươi lăm) ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ.</i></p> <p><i>Thời hạn phê duyệt hồ sơ: Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ.</i></p>	<p>công trực tuyến, trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Yên Bái, địa chỉ: Tổ 14, đường Điện Biên, phường Đồng Tâm, thành phố Yên Bái - Tầng 1, Trung tâm Hội nghị tỉnh.</p>	<p>22/2020/NQ-HĐND ngày 04/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành về việc ban hành một số loại phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh Yên Bái thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh.</p>	<p>55/2014/QH13 ngày 23/6/2014;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Luật Khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17/11/2010; - Nghị định số 19/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; - Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường; - Thông tư số 38/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về cải tạo, phục hồi môi trường trong hoạt động khai thác khoáng sản; - Nghị định số 136/2018/NĐ-CP ngày 05/10/2018 của Chính phủ sửa đổi một số điều của các nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực tài nguyên và môi trường; - Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT ngày 31/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật bảo vệ môi trường và quy định quản lý hoạt động dịch vụ quan
--	---	--	--	---

					<p>trắc môi trường.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nghị quyết số 22/2020/NQ-HĐND ngày 04/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành về việc ban hành một số loại phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh Yên Bái thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh.
5	Xác nhận hoàn thành từng phần phương án cải tạo, phục hồi môi trường trong khai thác khoáng sản.	<p>- Thời hạn kiểm tra, trả lời về tính đầy đủ và hợp lệ của hồ sơ: không quy định.</p> <p>- Thời hạn cấp giấy xác nhận: Trong thời hạn 40 (bốn mươi) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ.</p>	Nộp qua công dịch vụ công trực tuyến, trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Yên Bái, địa chỉ: Tổ 14, đường Điện Biên, phường Đồng Tâm, thành phố Yên Bái - Tầng 1, Trung tâm Hội nghị tỉnh.	Không quy định.	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Bảo vệ môi trường số 55/2014/QH13 ngày 23/6/2014; - Luật Khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17/11/2010; - Nghị định số 19/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; - Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường; - Thông tư số 38/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về cải tạo, phục hồi môi trường trong hoạt động khai thác khoáng sản.
6	Đăng ký xác nhận/đăng ký xác nhận lại kế hoạch bảo vệ môi trường	<p>- Thời hạn kiểm tra, trả lời về tính đầy đủ và hợp lệ của hồ sơ: Không quy</p>	Nộp qua công dịch vụ công trực tuyến, trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Trung tâm Phục vụ hành	Không quy định.	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Bảo vệ môi trường năm 2014; - Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động

		<p>định.</p> <p>- Thời hạn xem xét, xác nhận đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường: Tối đa là 10 (mười) ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ.</p>	<p>chính công tỉnh Yên Bái, địa chỉ: Tổ 14, đường Điện Biên, phường Đồng Tâm, thành phố Yên Bái - Tầng 1, Trung tâm Hội nghị tỉnh.</p>		<p>môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;</p> <p>- Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật bảo vệ môi trường.</p>
III	LĨNH VỰC TÀI NGUYÊN NƯỚC				
1	<p>Cấp giấy phép thăm dò nước dưới đất đối với công trình có lưu lượng dưới 3.000m³/ngày đêm</p>	<p>- Thời hạn kiểm tra hồ sơ: Trong thời hạn mười (10) ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, Sở Tài Nguyên và Môi trường có trách nhiệm xem xét, kiểm tra hồ sơ.</p> <p>- Thời hạn thẩm định đề án (thiết kế giếng thăm dò nước dưới đất): Trong thời hạn 30 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ</p>	<p>Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ về Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Yên Bái, địa chỉ: Tổ 14, đường Điện Biên, phường Đồng Tâm, thành phố Yên Bái - Tầng 1, Trung tâm Hội nghị tỉnh.</p> <p>- Trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Yên Bái trả lại hồ sơ cho tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép và thông báo lý do không cấp phép (đối với trường</p>	<p>Theo Khoản 8 Điều 2 Nghị quyết số 22/2020/NQ-HĐND ngày 04/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Yên Bái.</p> <p>+ Đối với đề án thiết kế giếng có lưu lượng nước dưới 200 m³/ngày đêm: 420.000 đồng/1 đề án.</p> <p>+ Đối với đề án, báo cáo thăm, dò, khai thác có lưu lượng nước từ 200 m³ đến dưới 500 m³/ngày đêm: 1.150.000 đồng/1 đề án, báo cáo.</p> <p>+ Đối với đề án, báo cáo thăm dò, khai thác có lưu lượng nước từ 500 m³ đến</p>	<p>- Luật Tài nguyên nước năm 2012;</p> <p>- Nghị định số 201/2013/NĐ-CP ngày 27/11/2013 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật tài nguyên nước;</p> <p>- Nghị định số 60/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định một số điều kiện đầu tư kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường;</p> <p>- Nghị định số 136/2018/NĐ-CP ngày 05/10/2018 của Chính phủ sửa đổi một số điều của các nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực tài nguyên và môi trường;</p> <p>- Thông tư số 27/2014/TT-BTNMT ngày 30/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định việc đăng ký khai thác nước dưới đất; mẫu hồ sơ cấp, gia hạn,</p>

		<p>hồ sơ hợp lệ, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm thẩm định đề án (thiết kế giếng thăm dò nước dưới đất) Thời gian bổ sung, hoàn thiện hoặc lập lại đề án (thiết kế giếng thăm dò nước dưới đất) không tính vào thời gian thẩm định đề án (thiết kế giếng thăm dò nước dưới đất). Thời gian thẩm định sau khi đề án (thiết kế giếng thăm dò nước dưới đất) được bổ sung hoàn chỉnh là hai mươi (20) ngày làm việc.</p> <p>- Thời hạn trả giấy phép: Trong thời hạn năm (05) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được giấy phép của Ủy ban nhân</p>	<p>hợp hồ sơ không đủ điều kiện cấp phép); thông báo nghĩa vụ tài chính và trả giấy phép (đối với trường hợp đủ điều kiện cấp phép).</p>	<p>dưới 1.000 m³/ngày đêm: 2.720.000 đồng/1 đề án, báo cáo.</p> <p>+ Đối với đề án, báo cáo thăm dò, khai thác có lưu lượng nước từ 1.000 m³ đến dưới 3.000 m³/ngày đêm: 5.225.000 đồng/1 đề án, báo cáo.</p>	<p>điều chỉnh, cấp lại giấy phép tài nguyên nước;</p> <p>- Thông tư số 56/2014/TT-BTNMT ngày 24/9/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định điều kiện về năng lực của tổ chức, cá nhân thực hiện điều tra cơ bản tài nguyên nước, tư vấn lập quy hoạch tài nguyên nước, lập đề án, báo cáo trong hồ sơ đề nghị cấp giấy phép tài nguyên nước;</p> <p>- Nghị quyết số 22/2020/NQ-HĐND ngày 04/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Yên Bái về việc ban hành một số loại phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh Yên Bái thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh.</p> <p>- Quyết định số 03/2015/QĐ-UBND ngày 15/01/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái ban hành quy định một số nội dung về quản lý tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh Yên Bái.</p>
--	--	---	--	--	---

		dân tỉnh, Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Yên Bái thông báo cho tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép để thực hiện nghĩa vụ tài chính và nhận giấy phép.			
2	Gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép thăm dò nước dưới đất đối với công trình có lưu lượng dưới 3.000m ³ /ngày đêm	<ul style="list-style-type: none"> - Thời hạn kiểm tra hồ sơ: Trong thời hạn năm (05) ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm xem xét, kiểm tra hồ sơ. - Thời hạn thẩm định báo cáo: Trong thời hạn hai mươi lăm (25) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm thẩm định báo cáo. Thời gian bổ 	<ul style="list-style-type: none"> - Nộp hồ sơ: Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ về Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Yên Bái, địa chỉ: Tổ 14, đường Điện Biên, phường Đồng Tâm, thành phố Yên Bái - Tầng 1, Trung tâm Hội nghị tỉnh. - Trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Yên Bái trả lại hồ sơ cho tổ chức, cá nhân đề nghị gia hạn, điều chỉnh và thông báo lý do không gia hạn, điều chỉnh (đối với trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện gia hạn, điều 	Theo Khoản 8 Điều 2 Nghị quyết số 22/2020/NQ-HĐND ngày 04/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Yên Bái, mức thu phí bằng 50% (năm mươi phần trăm) mức thu so với cấp phép. Cụ thể như sau: + Gia hạn, điều chỉnh đối với giấy phép thăm dò nước dưới đất có lưu lượng nước dưới 200 m ³ /ngày đêm: 210.000 đồng/1 giấy phép. + Gia hạn, điều chỉnh đối với giấy phép thăm dò nước dưới đất có lưu lượng nước từ 200 m ³ đến dưới 500 m ³ /ngày đêm: 575.000 đồng/1 giấy phép. + Gia hạn, điều chỉnh đối với giấy phép thăm dò	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Tài nguyên nước năm 2012; - Nghị định số 201/2013/NĐ-CP của Chính phủ ngày 27/11/2013 về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật tài nguyên nước. - Nghị định số 60/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định một số điều kiện đầu tư kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường; - Nghị định số 136/2018/NĐ-CP ngày 05/10/2018 của Chính phủ sửa đổi một số điều của các nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực tài nguyên và môi trường; - Thông tư số 27/2014/TT-BTNMT ngày 30/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định việc đăng ký khai thác nước dưới đất; mẫu hồ sơ cấp, gia hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép tài nguyên nước; - Thông tư số 56/2014/TT-BTNMT ngày 24/9/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định điều kiện về năng

		<p>sung, hoàn thiện hoặc lập lại báo cáo không tính vào thời gian thẩm định báo cáo. Thời gian thẩm định sau khi báo cáo được bổ sung hoàn chỉnh là hai mươi (20) ngày làm việc.</p> <p>- Thời hạn trả giấy phép: Trong thời hạn năm (05) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được giấy phép của Ủy ban nhân dân tỉnh, Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Yên Bái thông báo cho tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép để thực hiện nghĩa vụ tài chính và nhận giấy phép.</p>	<p>chính); thông báo nghĩa vụ tài chính và trả giấy phép (đối với trường hợp đủ điều kiện gia hạn, điều chỉnh).</p>	<p>nước dưới đất có lưu lượng nước từ 500 m³ đến dưới 1.000 m³/ngày đêm: 1.360.000 đồng/1 giấy phép</p> <p>+ Gia hạn, điều chỉnh đối với giấy phép thăm dò nước dưới đất có lưu lượng nước từ 1.000 m³ đến dưới 3.000 m³/ngày đêm: 2.612.500 đồng/1 giấy phép</p>	<p>lực của tổ chức, cá nhân thực hiện điều tra cơ bản tài nguyên nước, tư vấn lập quy hoạch tài nguyên nước, lập đề án, báo cáo trong hồ sơ đề nghị cấp giấy phép tài nguyên nước;</p> <p>- Nghị quyết số 22/2020/NQ-HĐND ngày 04/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Yên Bái về việc ban hành một số loại phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh Yên Bái thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh.</p> <p>- Quyết định số 03/2015/QĐ-UBND ngày 15/01/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái ban hành quy định một số nội dung về quản lý tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh Yên Bái.</p>
3	<p>Cấp giấy phép, khai thác sử dụng nước dưới đất đối với công trình có</p>	<p>- Thời hạn kiểm tra hồ sơ: Trong thời hạn mười (10) ngày làm</p>	<p>- Nộp hồ sơ: Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ về Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh</p>	<p>Theo Khoản 8 Điều 2 Nghị quyết số 22/2020/NQ-HĐND ngày 04/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh</p>	<p>- Luật Tài nguyên nước năm 2012; - Nghị định số 201/2013/NĐ-CP ngày 27/11/2013 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật tài</p>

<p>lưu lượng dưới 3.000m³/ngày đêm</p>	<p>việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, Sở Tài Nguyên và Môi trường có trách nhiệm xem xét, kiểm tra hồ sơ.</p> <p>- Thời hạn thẩm định báo cáo, bản kê khai: Trong thời hạn 30 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Tài Nguyên và Môi trường có trách nhiệm thẩm định báo cáo, bản kê khai.</p> <p>Thời gian bổ sung, hoàn thiện hoặc lập lại báo cáo, bản kê khai không tính vào thời gian thẩm định báo cáo. Thời gian thẩm định sau khi báo cáo, bản kê khai được bổ sung hoàn chỉnh là hai mươi (20) ngày làm việc.</p>	<p>Yên Bái, địa chỉ: Tô 14, đường Điện Biên, phường Đồng Tâm, thành phố Yên Bái - Tầng 1, Trung tâm Hội nghị tỉnh.</p> <p>- Trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Yên Bái trả lại hồ sơ cho tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép và thông báo lý do không cấp phép (đối với trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện cấp phép); thông báo nghĩa vụ tài chính và trả giấy phép (đối với trường hợp đủ điều kiện cấp phép), gửi thông báo cho chủ giấy phép và Cục thuế địa phương nơi có công trình khai thác kèm theo quyết định phê duyệt tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước.</p>	<p>Yên Bái.</p> <p>+ Đối với đề án thiết kế giếng có lưu lượng nước dưới 200 m³/ngày đêm: 420.000 đồng/1 đề án.</p> <p>+ Đối với đề án, báo cáo thăm, dò, khai thác có lưu lượng nước từ 200 m³ đến dưới 500 m³/ngày, đêm: 1.150.000 đồng/1 đề án, báo cáo.</p> <p>+ Đối với đề án, báo cáo thăm dò, khai thác có lưu lượng nước từ 500 m³ đến dưới 1.000 m³/ngày đêm: 2.720.000 đồng/1 đề án, báo cáo.</p> <p>+ Đối với đề án, báo cáo thăm dò, khai thác có lưu lượng nước từ 1.000 m³ đến dưới 3.000 m³/ngày đêm: 5.225.000 đồng/1 đề án, báo cáo.</p> <p>- Phí thẩm định hồ sơ tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước: không quy định.</p>	<p>nguyên nước;</p> <p>- Nghị định số 60/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định một số điều kiện đầu tư kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường;</p> <p>- Nghị định số 82/2017/NĐ-CP của Chính phủ ngày 17/7/2017 quy định về phương pháp tính, mức thu tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước;</p> <p>- Nghị định số 136/2018/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi một số điều của các nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực tài nguyên và môi trường;</p> <p>- Thông tư số 27/2014/TT-BTNMT ngày 30/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định việc đăng ký khai thác nước dưới đất; mẫu hồ sơ cấp, gia hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép tài nguyên nước;</p> <p>- Thông tư số 56/2014/TT-BTNMT ngày 24/9/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định điều kiện về năng lực của tổ chức, cá nhân thực hiện điều tra cơ bản tài nguyên nước, tư vấn lập quy hoạch tài nguyên nước, lập đề án, báo cáo trong hồ sơ đề nghị cấp giấy phép tài nguyên nước.</p> <p>- Nghị quyết số 22/2020/NQ-HĐND ngày 04/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Yên Bái về việc ban hành một số loại phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh Yên Bái thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân</p>
---	--	--	--	---

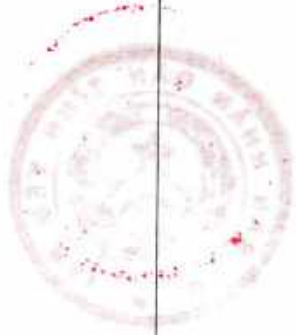
		<p>- Thời hạn trả giấy phép: Trong thời hạn năm (05) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được giấy phép của Ủy ban nhân dân tỉnh. Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Yên Bái thông báo cho tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép để thực hiện nghĩa vụ tài chính và nhận giấy phép.</p> <p>- Thời hạn trả quyết định phê duyệt tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước: Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được quyết định phê duyệt tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước, thông báo cho chủ giấy phép và Cục thuế địa</p>			<p>dân tỉnh.</p> <p>- Quyết định số 03/2015/QĐ-UBND ngày 15/01/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái ban hành quy định một số nội dung về quản lý tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh Yên Bái.</p>
--	--	--	--	--	--

		phương nơi có công trình khai thác kèm theo quyết định phê duyệt tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước.			
4	Gia hạn/điều chỉnh giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất đối với công trình có lưu lượng nước dưới 3.000m ³ /ngày đêm	<p>- Thời hạn kiểm tra hồ sơ: Trong thời hạn năm (05) ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm xem xét, kiểm tra hồ sơ.</p> <p>- Thời hạn thẩm định báo cáo, tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước: Trong thời hạn hai mươi lăm (25) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm thẩm định báo cáo, tiền cấp quyền khai thác</p>	<p>- Nộp hồ sơ: Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ về Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Yên Bái, Tổ 14, đường Điện Biên, phường Đồng Tâm, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái - Tầng 1, Trung tâm Hội nghị tỉnh.</p> <p>- Trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Yên Bái trả lại hồ sơ cho tổ chức, cá nhân đề nghị gia hạn, điều chỉnh và thông báo lý do không gia hạn, điều chỉnh (đối với trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện gia hạn, điều chỉnh); thông báo nghĩa vụ tài chính và trả giấy phép (đối với trường</p>	<p>Theo Khoản 8 Điều 2 Nghị quyết số 22/2020/NQ-HĐND ngày 04/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Yên Bái, mức thu phí bằng 50% (năm mươi phần trăm) mức thu so với cấp phép.</p> <p>Cụ thể như sau:</p> <p>+ Gia hạn, điều chỉnh đối với giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất có lưu lượng nước dưới 200 m³/ngày đêm: 210.000 đồng/1 giấy phép</p> <p>+ Gia hạn, điều chỉnh đối với giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất có lưu lượng nước từ 200 m³ đến dưới 500 m³/ngày đêm: 575.000 đồng/1 giấy phép.</p> <p>+ Gia hạn, điều chỉnh đối với giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất có lưu lượng nước từ 500 m³ đến dưới 1.000 m³/ngày đêm:</p>	<p>- Luật tài nguyên nước năm 2012;</p> <p>- Nghị định số 201/2013/NĐ-CP ngày 27/11/2013 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật tài nguyên nước;</p> <p>- Nghị định số 60/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định một số điều kiện đầu tư kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường;</p> <p>- Nghị định số 136/2018/NĐ-CP ngày 05/10/2018 của Chính phủ sửa đổi một số điều của các nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực tài nguyên và môi trường;</p> <p>- Nghị định số 82/2017/NĐ-CP của Chính phủ ngày 17/7/2017 quy định về phương pháp tính, mức thu tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước;</p> <p>- Thông tư số 27/2014/TT-BTNMT ngày 30/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định việc đăng ký khai thác nước dưới đất; mẫu hồ sơ cấp, gia hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép tài nguyên nước;</p> <p>- Thông tư số 56/2014/TT-BTNMT ngày</p>

		<p>tài nguyên nước. Thời gian bổ sung, hoàn thiện hoặc lập lại báo cáo xác định lại tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước không tính vào thời gian thẩm định báo cáo. Thời gian thẩm định sau khi đề án, báo cáo, bản kê khai được bổ sung hoàn chỉnh là hai mươi (20) ngày làm việc</p> <p>- Thời hạn trả giấy phép: Trong thời hạn năm (05) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được giấy phép của Ủy ban nhân dân tỉnh, Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Yên Bái thông báo cho tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép để thực hiện nghĩa vụ</p>	<p>hợp đủ điều kiện gia hạn, điều chỉnh), gửi thông báo kèm theo quyết định điều chỉnh tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước cho chủ giấy phép và Cục thuế địa phương nơi có công trình khai thác tài nguyên nước.</p>	<p>1.360.000 đồng/1 giấy phép.</p> <p>+ Gia hạn, điều chỉnh đối với giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất có lưu lượng nước từ 1.000 m³ đến dưới 3.000 m³/ngày đêm: 2.612.500 đồng/1 giấy phép</p>	<p>24/9/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định điều kiện về năng lực của tổ chức, cá nhân thực hiện điều tra cơ bản tài nguyên nước, tư vấn lập quy hoạch tài nguyên nước, lập đề án, báo cáo trong hồ sơ đề nghị cấp giấy phép tài nguyên nước.</p> <p>- Nghị quyết số 22/2020/NQ-HĐND ngày 04/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Yên Bái về việc ban hành một số loại phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh Yên Bái thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh;</p> <p>- Quyết định số 03/2015/QĐ-UBND ngày 15/01/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái ban hành quy định một số nội dung về quản lý tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh Yên Bái.</p>
--	--	---	---	---	---

		tài chính và nhận giấy phép.			
5	Cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản với lưu lượng dưới $2m^3$ /giờ; phát điện với công suất lắp máy dưới 2.000 kw; cho các mục đích khác với lưu lượng dưới $50.000 m^3$ /ngày đêm.	<p>- Thời hạn kiểm tra hồ sơ: Trong thời hạn mười (10) ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, Sở Tài Nguyên và Môi trường có trách nhiệm xem xét, kiểm tra hồ sơ.</p> <p>- Thời hạn thẩm định đề án, báo cáo, bản kê khai: Trong thời hạn 30 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Tài Nguyên và Môi trường có trách nhiệm thẩm định đề án, báo cáo, bản kê khai. Thời gian bổ sung, hoàn thiện hoặc lập lại đề án, báo cáo, bản kê khai không tính vào thời gian thẩm định đề án, báo</p>	<p>- Nộp hồ sơ: Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ về Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Yên Bái, Tổ 14, đường Điện Biên, phường Đồng Tâm, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái - Tầng 1, Trung tâm Hội nghị tỉnh.</p> <p>- Trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Yên Bái trả lại hồ sơ cho tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép và thông báo lý do không cấp phép (đối với trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện cấp phép); thông báo nghĩa vụ tài chính và trả giấy phép (đối với trường hợp đủ điều kiện cấp phép), gửi thông báo cho chủ giấy phép và Cục thuế địa phương nơi có công trình khai thác kèm theo quyết định phê</p>	<p>Theo Khoản 10 Điều 2 Nghị quyết số 22/2020/NQ-HĐND ngày 04/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Yên Bái</p> <p>Mức thu phí như sau:</p> <p>- Đối với đề án, báo cáo khai thác, sử dụng nước mặt cho sản xuất nông nghiệp với lưu lượng dưới $0,1m^3$/giờ; hoặc để phát điện với công suất dưới 50kw; hoặc cho các mục đích khác với lưu lượng dưới $500m^3$/ngày đêm. Mức thu 630.000 đồng /1 đề án, báo cáo.</p> <p>- Đối với đề án, báo cáo khai thác, sử dụng nước mặt cho sản xuất nông nghiệp với lưu lượng từ $0,1m^3$ đến dưới $0,5m^3$/giờ; hoặc để phát điện với công suất từ 50kw đến dưới 200kw; hoặc cho các mục đích khác với lưu lượng từ $500 m^3$ đến dưới $3.000m^3$/ngày đêm. Mức thu 1.880.000 đồng /1 đề án, báo cáo.</p>	<p>- Luật Tài nguyên nước năm 2012;</p> <p>- Nghị định số 201/2013/NĐ-CP ngày 27/11/2013 của Chính phủ ngày về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật tài nguyên nước;</p> <p>- Nghị định số 60/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định một số điều kiện đầu tư kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường.</p> <p>- Nghị định số 82/2017/NĐ-CP của Chính phủ ngày 17/7/2017 quy định về phương pháp tính, mức thu tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước.</p> <p>- Thông tư số 27/2014/TT-BTNMT ngày 30/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định việc đăng ký khai thác nước dưới đất; mẫu hồ sơ cấp, gia hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép tài nguyên nước;</p> <p>- Nghị định số 136/2018/NĐ-CP ngày 05/10/2018 của Chính phủ sửa đổi một số điều của các nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực tài nguyên và môi trường.</p> <p>- Thông tư số 56/2014/TT-BTNMT ngày 24/9/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định điều kiện về năng lực của tổ chức, cá nhân thực hiện điều tra cơ bản tài nguyên nước, tư vấn lập quy hoạch tài nguyên nước, lập đề án, báo cáo</p>

		<p>cáo, bản kê khai. Thời gian thẩm định sau khi đề án được bổ sung hoàn chỉnh là hai mươi (20) ngày làm việc.</p> <p>- Thời hạn trả giấy phép: Trong thời hạn năm (05) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được giấy phép của Ủy ban nhân dân tỉnh, Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Yên Bái thông báo cho tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép để thực hiện nghĩa vụ tài chính và nhận giấy phép.</p> <p>- Thời hạn trả quyết định phê duyệt tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước: Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận</p>	<p>duyet tien cap quyen khai thac tai nguyn nước.</p>	<p>- Đối với đề án, báo cáo khai thác, sử dụng nước mặt cho sản xuất nông nghiệp với lưu lượng từ $0,5m^3$ đến dưới $1m^3$/giờ; hoặc để phát điện với công suất từ 200kw đến dưới 1.000kw; hoặc cho các mục đích khác với lưu lượng từ $3.000m^3$ đến dưới $20.000m^3$/ngày đêm. Mức thu 4.600.000 đồng /1 đề án, báo cáo.</p> <p>- Đối với đề án, báo cáo khai thác, sử dụng nước mặt cho sản xuất nông nghiệp với lưu lượng từ $1m^3$ đến dưới $2m^3$/giờ; hoặc để phát điện với công suất từ 1.000kw đến dưới 2.000kw; hoặc cho các mục đích khác với lưu lượng từ $20.000m^3$ đến dưới $50.000m^3$/ngày đêm. Mức thu 8.780.000 đồng /1 đề án, báo cáo.</p> <p>- Phí thẩm định hồ sơ tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước: không quy định.</p>	<p>trong hồ sơ đề nghị cấp giấy phép tài nguyên nước.</p> <p>- Nghị quyết số 22/2020/NQ-HĐND ngày 04/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Yên Bái về việc ban hành một số loại phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh Yên Bái thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh.</p> <p>- Quyết định số 03/2015/QĐ-UBND ngày 15/01/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái ban hành quy định một số nội dung về quản lý tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh Yên Bái.</p>
--	--	---	---	--	---

		<p>được quyết định phê duyệt tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước, Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Yên Bái gửi thông báo cho chủ giấy phép và Cục thuế địa phương nơi có công trình khai thác kèm theo quyết định phê duyệt tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước.</p>			
6	<p>Gia hạn/điều chỉnh giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản với lưu lượng dưới 2m³/giây; phát điện với công suất lắp máy dưới 2.000 kw; cho các mục đích khác với lưu lượng dưới 50.000 m³/ ngày</p>	<p>- Thời hạn kiểm tra hồ sơ: Trong thời hạn năm (05) ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm xem xét, kiểm tra hồ sơ. - Thời hạn thẩm định báo cáo: Trong thời hạn hai mươi lăm (25) ngày làm việc, kể</p>	<p>- Nộp hồ sơ: Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ về Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Yên Bái, Tổ 14, đường Điện Biên, phường Đồng Tâm, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái - Tầng 1, Trung tâm Hội nghị tỉnh. - Trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Yên Bái trả lại hồ sơ</p>	<p>Mức thu phí như sau: - Đối với đề án, báo cáo khai thác, sử dụng nước mặt cho sản xuất nông nghiệp với lưu lượng dưới 0,1m³/giây; hoặc để phát điện với công suất dưới 50kw; hoặc cho các mục đích khác với lưu lượng dưới 500m³/ngày đêm. Mức thu 315.000 đồng /1 đề án, báo cáo. - Đối với đề án, báo cáo khai thác, sử dụng nước mặt cho sản xuất nông</p>	<p>- Luật Tài nguyên nước năm 2012; - Nghị định số 201/2013/NĐ-CP của Chính phủ ngày 27/11/2013 về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật tài nguyên nước; - Nghị định số 60/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định một số điều kiện đầu tư kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường; - Nghị định số 82/2017/NĐ-CP của Chính phủ ngày 17/7/2017 quy định về phương pháp tính, mức thu tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước; - Nghị định số 136/2018/NĐ-CP ngày 05/10/2018 của Chính phủ sửa đổi một số</p>

<p>đêm.</p>	<p>từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm thẩm định báo cáo. Thời gian bổ sung, hoàn thiện hoặc lập lại báo cáo không tính vào thời gian thẩm định báo cáo. Thời gian thẩm định sau khi đề án được bổ sung hoàn chỉnh là hai mươi (20) ngày làm việc.</p> <p>- Thời hạn trả giấy phép: Trong thời hạn năm (05) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được giấy phép của Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường thông báo cho tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép để thực hiện nghĩa vụ tài chính và nhận giấy</p>	<p>cho tổ chức, cá nhân đề nghị gia hạn, điều chỉnh và thông báo lý do không gia hạn, điều chỉnh (đối với trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện gia hạn, điều chỉnh); thông báo nghĩa vụ tài chính và trả giấy phép (đối với trường hợp đủ điều kiện gia hạn, điều chỉnh), gửi thông báo kèm theo quyết định điều chỉnh tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước cho chủ giấy phép và Cục thuế địa phương nơi có công trình khai thác tài nguyên nước.</p>	<p>nghiệp với lưu lượng từ $0,1m^3$ đến dưới $0,5m^3$/giờ; hoặc để phát điện với công suất từ 50kw đến dưới 200kw; hoặc cho các mục đích khác với lưu lượng từ $500 m^3$ đến dưới $3.000m^3$/ngày đêm. Mức thu 940.000 đồng /1 đề án, báo cáo.</p> <p>- Đối với đề án, báo cáo khai thác, sử dụng nước mặt cho sản xuất nông nghiệp với lưu lượng từ $0,5m^3$ đến dưới $1m^3$/giờ; hoặc để phát điện với công suất từ 200kw đến dưới 1.000kw; hoặc cho các mục đích khác với lưu lượng từ $3.000m^3$ đến dưới $20.000m^3$/ngày đêm. Mức thu 2.300.000 đồng /1 đề án, báo cáo.</p> <p>- Đối với đề án, báo cáo khai thác, sử dụng nước mặt cho sản xuất nông nghiệp với lưu lượng từ $1m^3$ đến dưới $2m^3$/giờ; hoặc để phát điện với công suất từ 1.000kw đến dưới 2.000kw; hoặc cho các mục đích khác với lưu lượng từ</p>	<p>điều của các nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực tài nguyên và môi trường;</p> <p>- Thông tư số 27/2014/TT-BTNMT ngày 30/5/2014 quy định việc đăng ký khai thác nước dưới đất; mẫu hồ sơ cấp, gia hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép tài nguyên nước;</p> <p>- Thông tư số 56/2014/TT-BTNMT ngày 24/9/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định điều kiện về năng lực của tổ chức, cá nhân thực hiện điều tra cơ bản tài nguyên nước, tư vấn lập quy hoạch tài nguyên nước, lập đề án, báo cáo trong hồ sơ đề nghị cấp giấy phép tài nguyên nước;</p> <p>- Nghị quyết số 22/2020/NQ-HĐND ngày 04/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Yên Bái về việc ban hành một số loại phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh Yên Bái thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh;</p> <p>- Quyết định số 03/2015/QĐ-UBND ngày 15/01/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái ban hành quy định một số nội dung về quản lý tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh Yên Bái.</p>
-------------	---	--	--	---

		<p>phép. Thông báo trả kết quả: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định việc điều chỉnh tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước, thông báo số tiền truy thu, hoàn trả cho chủ giấy phép và Cục thuế địa phương nơi có công trình khai thác tài nguyên nước và nêu rõ lý do phải truy thu, hoàn trả.</p>		<p>20.000m³ đến dưới 50.000m³/ngày đêm. Mức thu 4.390.000 đồng /1 đề án, báo cáo.</p>	
7	<p>Cấp giấy phép xả nước thải vào nguồn nước với lưu lượng dưới 30.000m³/ngày đêm đối với hoạt động nuôi trồng thủy sản; với lưu lượng dưới 3.000m³/ngày đêm đối với các hoạt động khác</p>	<p>- Thời hạn kiểm tra hồ sơ: Trong thời hạn mười (10) ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Yên Bái có trách nhiệm xem xét, kiểm tra hồ sơ. - Thời hạn thẩm</p>	<p>- Nộp hồ sơ: Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ về Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Yên Bái, Tổ 14, đường Điện Biên, phường Đồng Tâm, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái - Tầng 1, Trung tâm Hội nghị tỉnh. - Trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính: Trung tâm Phục vụ</p>	<p>Mức thu như sau: + Đối với đề án, báo cáo có lưu lượng nước dưới 100 m³/ngày đêm: 630.000 đồng/1 đề án, báo cáo. + Đối với đề án, báo cáo có lưu lượng nước từ 100 m³ đến dưới 500 m³/ngày đêm: 1.880.000 đồng/1 đề án, báo cáo. + Đối với đề án, báo cáo có lưu lượng nước từ 500 m³ đến dưới 2.000 m³/ngày</p>	<p>- Luật Tài nguyên nước năm 2012. - Nghị định số 201/2013/NĐ-CP của Chính phủ ngày 27/11/2013 về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật tài nguyên nước; - Nghị định số 60/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định một số điều kiện đầu tư kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường; - Nghị định số 136/2018/NĐ-CP ngày 05/10/2018 của Chính phủ sửa đổi một số điều của các nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực tài</p>


		<p>định đề án, báo cáo: Trong thời hạn 30 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Tài Nguyên và Môi trường có trách nhiệm thẩm định đề án, báo cáo. Thời gian bổ sung, hoàn thiện hoặc lập lại đề án, báo cáo không tính vào thời gian thẩm định đề án, báo cáo. Thời gian thẩm định sau khi đề án, báo cáo được bổ sung hoàn chỉnh là hai mươi (20) ngày làm việc.</p> <p>- Thời hạn trả giấy phép: Trong thời hạn năm (05) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được giấy phép của Ủy ban nhân dân tỉnh, Trung tâm Phục vụ</p>	<p>hành chính công tỉnh Yên Bái trả lại hồ sơ cho tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép và thông báo lý do không cấp phép (đối với trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện cấp phép); thông báo nghĩa vụ tài chính và trả giấy phép (đối với trường hợp đủ điều kiện cấp phép).</p>	<p>dêm: 4.600.000 đồng/1 đề án, báo cáo.</p> <p>+ Đối với đề án, báo cáo có lưu lượng nước từ 2.000 m³ đến dưới 3.000 m³/ngày đêm: 8.780.000 đồng/1 đề án, báo cáo.</p> <p>+ Đối với đề án, báo cáo có lưu lượng nước trên 10.000 m³ đến dưới 20.000 m³/ngày đêm đối với hoạt động nuôi trồng thủy sản: 12.120.000 đồng/1 đề án, báo cáo.</p> <p>+ Đối với đề án, báo cáo có lưu lượng nước từ 20.000 m³ đến dưới 30.000 m³/ngày đêm đối với hoạt động nuôi trồng thủy sản: 15.250.000 đồng/1 đề án, báo cáo.</p>	<p>nguyên và môi trường;</p> <p>- Thông tư số 27/2014/TT-BTNMT ngày 30/5/2014 quy định việc đăng ký khai thác nước dưới đất; mẫu hồ sơ cấp, gia hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép tài nguyên nước;</p> <p>- Thông tư số 56/2014/TT-BTNMT ngày 24/9/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định điều kiện về năng lực của tổ chức, cá nhân thực hiện điều tra cơ bản tài nguyên nước, tư vấn lập quy hoạch tài nguyên nước, lập đề án, báo cáo trong hồ sơ đề nghị cấp giấy phép tài nguyên nước;</p> <p>- Nghị quyết số 22/2020/NQ-HĐND ngày 04/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Yên Bái về việc ban hành một số loại phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh Yên Bái thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh;</p> <p>- Quyết định số 03/2015/QĐ-UBND ngày 15/01/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái ban hành quy định một số nội dung về quản lý tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh Yên Bái.</p>
--	--	---	---	---	---


		<p>Hành chính công tỉnh Yên Bái thông báo cho tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép để thực hiện nghĩa vụ tài chính và nhận giấy phép.</p>			
8	<p>Gia hạn/điều chỉnh giấy phép xả nước thải vào nguồn nước với lưu lượng dưới 30.000m³/ngày đêm đối với hoạt động nuôi trồng</p>	<p>- Thời hạn kiểm tra hồ sơ: Trong thời hạn năm (05) ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Yên Bái có trách nhiệm xem xét, kiểm tra hồ sơ. - Thời hạn thẩm định báo cáo: Trong thời hạn hai mươi lăm (25) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm thẩm định báo cáo. Thời gian bổ sung, hoàn thiện</p>	<p>- Nộp hồ sơ: Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ về Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Yên Bái, Tổ 14, đường Điện Biên, phường Đồng Tâm, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái - Tầng 1, Trung tâm Hội nghị tỉnh. - Trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính: Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Yên Bái trả lại hồ sơ cho tổ chức, cá nhân đề nghị gia hạn, điều chỉnh và thông báo lý do không gia hạn, điều chỉnh (đối với trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện gia hạn, điều chỉnh); thông báo nghĩa vụ tài chính và trả giấy</p>	<p>Mức thu phí như sau: + Đối với Giấy phép có lưu lượng xả nước thải dưới 100 m³/ngày đêm: 315.000 đồng/1 giấy phép. + Đối với Giấy phép có lưu lượng xả nước thải từ 100 m³ đến dưới 500 m³/ngày đêm: 940.000 đồng/1 giấy phép. + Đối với Giấy phép có lưu lượng xả nước thải từ 500 m³ đến dưới 2.000 m³/ngày đêm: 2.300.000 đồng/1 giấy phép. + Đối với Giấy phép có lưu lượng xả nước thải từ 2.000 m³ đến dưới 3.000 m³/ngày đêm: 4.390.000 đồng/1 giấy phép. + Đối với Giấy phép có lưu lượng xả nước thải trên 10.000 m³ đến dưới 20.000 m³/ngày đêm đối với hoạt</p>	<p>- Luật Tài nguyên nước năm 2012. - Nghị định số 201/2013/NĐ-CP của Chính phủ ngày 27/11/2013 về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước; - Nghị định số 60/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định một số điều kiện đầu tư kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường; - Nghị định số 136/2018/NĐ-CP ngày 05/10/2018 của Chính phủ sửa đổi một số điều của các nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực tài nguyên và môi trường; - Thông tư số 27/2014/TT-BTNMT ngày 30/5/2014 quy định việc đăng ký khai thác nước dưới đất; mẫu hồ sơ cấp, gia hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép tài nguyên nước; - Thông tư số 56/2014/TT-BTNMT ngày 24/9/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định điều kiện về năng lực của tổ chức, cá nhân thực hiện điều tra cơ bản tài nguyên nước, tư vấn lập quy hoạch tài nguyên nước, lập đề án, báo cáo</p>

		<p>hoặc lập lại báo cáo không tính vào thời gian thẩm định báo cáo. Thời gian thẩm định sau khi báo cáo được bổ sung hoàn chỉnh là hai mươi (20) ngày làm việc.</p> <p>- Thời hạn trả giấy phép: Trong thời hạn năm (05) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được giấy phép của Ủy ban nhân dân tỉnh, Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Yên Bái thông báo cho tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép để thực hiện nghĩa vụ tài chính và nhận giấy phép.</p>	<p>phép (đối với trường hợp đủ điều kiện gia hạn, điều chỉnh).</p>	<p>động nuôi trồng thủy sản: 6.060.000 đồng/1 giấy phép.</p> <p>+ Đối với Giấy phép có lưu lượng xả nước thải từ 20.000 m³ đến dưới 30.000 m³/ngày đêm đối với hoạt động nuôi trồng thủy sản: 7.625.000 đồng/1 giấy phép.</p>	<p>trong hồ sơ đề nghị cấp giấy phép tài nguyên nước;</p> <p>- Nghị quyết số 22/2020/NQ-HĐND ngày 04/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Yên Bái về việc ban hành một số loại phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh Yên Bái thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh;</p> <p>- Quyết định số 03/2015/QĐ-UBND ngày 15/01/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái ban hành quy định một số nội dung về quản lý tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh Yên Bái.</p>
9	Cấp lại giấy phép tài nguyên nước				
9.1	Cấp lại giấy phép thăm dò, khai	- Thời hạn kiểm tra hồ sơ: Trong thời	- Nộp hồ sơ: Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ về	1. Cấp lại giấy phép thăm dò, khai thác, sử dụng nước	- Luật Tài nguyên nước năm 2012; - Nghị định số 201/2013/NĐ-CP ngày

<p>thác, sử dụng nước dưới đất đối với công trình có lưu lượng dưới 3.000 m³/ngày đêm</p>	<p>hạn bốn (04) ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm xem xét, kiểm tra hồ sơ.</p> <p>- Thời hạn thẩm định hồ sơ: Trong thời hạn tám (08) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm thẩm định hồ sơ.</p> <p>- Thời hạn trả giấy phép: Trong thời hạn bốn (04) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được giấy phép của Ủy ban nhân dân tỉnh, Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Yên Bái thông báo cho tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép để thực hiện nghĩa</p>	<p>Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Yên Bái, Tổ 14, đường Điện Biên, phường Đồng Tâm, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái - Tầng 1, Trung tâm Hội nghị tỉnh (trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện).</p> <p>- Trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính: Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Yên Bái trả lại hồ sơ cho tổ chức, cá nhân đề nghị cấp lại và thông báo lý do không cấp lại (đối với trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện cấp lại); thông báo nghĩa vụ tài chính và trả giấy phép (đối với trường hợp đủ điều kiện cấp lại).</p>	<p>dưới đất</p> <p>Mức thu bằng 30% mức thu phí thẩm định đề án, báo cáo thăm dò, khai thác, sử dụng nước dưới đất.</p> <p>+ Đối với giấy phép có lưu lượng nước dưới 200 m³/ngày đêm: 126.000 đồng/1 giấy phép.</p> <p>+ Đối với giấy phép có lưu lượng nước từ 200 m³ đến dưới 500 m³/ngày đêm: 345.000 đồng/1 hồ sơ.</p> <p>+ Đối với giấy phép có lưu lượng nước từ 500 m³ đến dưới 1.000 m³/ngày đêm: 816.000 đồng/1 giấy phép.</p> <p>+ Đối với giấy phép có lưu lượng nước từ 1.000 m³ đến dưới 3.000 m³/ngày đêm: 1.567.000 đồng/1 giấy phép.</p>	<p>27/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật tài nguyên nước.</p> <p>- Nghị định số 60/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định một số điều kiện đầu tư kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường;</p> <p>- Nghị định số 136/2018/NĐ-CP ngày 05/10/2018 của Chính phủ sửa đổi một số điều của các nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực tài nguyên và môi trường;</p> <p>- Thông tư số 27/2014/TT-BTNMT ngày 30/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định việc đăng ký khai thác nước dưới đất; mẫu hồ sơ cấp, gia hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép tài nguyên nước;</p> <p>- Thông tư số 56/2014/TT-BTNMT ngày 24/9/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định điều kiện về năng lực của tổ chức, cá nhân thực hiện điều tra cơ bản tài nguyên nước, tư vấn lập quy hoạch tài nguyên nước, lập đề án, báo cáo trong hồ sơ đề nghị cấp giấy phép tài nguyên nước;</p> <p>- Nghị quyết số 22/2020/NQ-HĐND ngày 04/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Yên Bái về việc ban hành một số loại phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh Yên Bái thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh;</p>
--	---	---	---	---

		vụ tài chính và nhận giấy phép			- Quyết định số 03/2015/QĐ-UBND ngày 15/01/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái ban hành quy định một số nội dung về quản lý tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh Yên Bái.
9.2	Cấp lại giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản với lưu lượng dưới $2\text{m}^3/\text{giây}$; phát điện với công suất lắp máy dưới 2.000 kw; cho các mục đích khác với lưu lượng dưới $50.000\text{ m}^3/\text{ngày đêm}$			<p><i>2. Cấp lại giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản với lưu lượng dưới $2\text{m}^3/\text{giây}$; phát điện với công suất lắp máy dưới 2.000 kw; cho các mục đích khác với lưu lượng dưới $50.000\text{ m}^3/\text{ngày đêm}$:</i></p> <p>Thực hiện theo Khoản 10 Điều 2 Nghị quyết số 22/2020/NQ-HĐND ngày 04/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Yên Bái, mức thu bằng 30% mức thu phí thăm định đề án, báo cáo khai thác, sử dụng nước mặt.</p> <p>- Đối với giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt cho sản xuất nông nghiệp với lưu lượng dưới $0,1\text{m}^3/\text{giây}$; hoặc để phát điện với công suất dưới 50kw; hoặc cho các mục đích khác với lưu lượng dưới $500\text{m}^3/\text{ngày}$</p>	

			<p>đêm. Mức thu 189.000 đồng /1 giấy phép.</p> <p>- Đối với giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt cho sản xuất nông nghiệp với lưu lượng từ $0,1\text{m}^3$ đến dưới $0,5\text{m}^3$/giây; hoặc để phát điện với công suất từ 50kw đến dưới 200kw; hoặc cho các mục đích khác với lưu lượng từ 500m^3 đến dưới 3.000m^3/ngày đêm. Mức thu 564.000 đồng /1 giấy phép.</p> <p>- Đối với giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt cho sản xuất nông nghiệp với lưu lượng từ $0,5\text{m}^3$ đến dưới 1m^3/giây; hoặc để phát điện với công suất từ 200kw đến dưới 1.000kw; hoặc cho các mục đích khác với lưu lượng từ 3.000m^3 đến dưới 20.000m^3/ngày đêm. Mức thu 1.380.000 đồng /1 giấy phép.</p> <p>- Đối với giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt cho sản xuất nông nghiệp với lưu lượng từ 1m^3 đến dưới 2m^3/giây; hoặc để phát điện</p>	
--	--	--	--	---

				<p>với công suất từ 1.000kw đến dưới 2.000kw; hoặc cho các mục đích khác với lưu lượng từ 20.000m³ đến dưới 50.000m³/ngày đêm. Mức thu 2.634.000 đồng /1 giấy phép</p>	
9.3	<p>Cấp lại giấy phép xả nước thải vào nguồn nước với lưu lượng dưới 30.000m³/ngày đêm đối với hoạt động nuôi trồng thủy sản; với lưu lượng dưới 3.000m³/ngày đêm đối với các hoạt động khác</p>			<p>3. Cấp lại giấy phép xả nước thải vào nguồn nước Thực hiện theo Khoản 11 Điều 2 Nghị quyết số 22/2020/NQ-HĐND ngày 04/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Yên Bái, mức thu bằng 30% mức thu phí thẩm định đề án, báo cáo xả nước thải vào nguồn nước, công trình thủy lợi. + Đối với giấy phép có lưu lượng nước dưới 100 m³/ngày đêm: 189.000 đồng/1 giấy phép. + Đối với giấy phép có lưu lượng nước từ 100 m³ đến dưới 500 m³/ngày đêm: 564.000 đồng/1 giấy phép. + Đối với giấy phép có lưu lượng nước từ 500 m³ đến dưới 2.000 m³/ngày đêm: 1.380.000 đồng/1 giấy phép. + Đối với giấy phép có lưu</p>	

				<p>lượng nước từ 2.000 m³ đến dưới 3.000 m³/ngày đêm: 2.634.000 đồng/1 giấy phép.</p> <p>+ Đối với giấy phép có lưu lượng nước trên 10.000 m³ đến dưới 20.000 m³/ngày đêm đối với hoạt động nuôi trồng thủy sản: 3.636.000 đồng/1 giấy phép.</p> <p>+ Đối với giấy phép có lưu lượng nước từ 20.000 m³ đến dưới 30.000 m³/ngày đêm đối với hoạt động nuôi trồng thủy sản: 4.575.000 đồng/1 giấy phép.</p>	
10	Cấp giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất quy mô vừa và nhỏ	<ul style="list-style-type: none"> - Thời hạn kiểm tra hồ sơ: Trong thời gian ba (03) ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm xem xét, kiểm tra hồ sơ. - Thời hạn thẩm định hồ sơ: Trong thời hạn mười lăm (15) ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ 	<ul style="list-style-type: none"> - Nộp hồ sơ: Trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện về Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Yên Bái, Tổ 14, đường Điện Biên, phường Đồng Tâm, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái - Tầng 1, Trung tâm Hội nghị tỉnh. - Trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Yên Bái trả lại hồ sơ 	<p>Phí thẩm định hồ sơ đề nghị cấp giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất là 1.460.000 đồng/ hồ sơ.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Tài nguyên nước năm 2012; - Nghị định số 201/2013/NĐ-CP của Chính phủ ngày 27/11/2013 về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật tài nguyên nước; - Nghị định số 60/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định một số điều kiện đầu tư kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường; - Nghị định số 136/2018/NĐ-CP ngày 05/10/2018 của Chính phủ sửa đổi một số điều của các nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực tài nguyên và môi trường; - Thông tư số 40/2014/TT-BTNMT ngày 11/7/2014 quy định việc hành nghề khoan

		<p>hợp lệ, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm thẩm định hồ sơ và trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định cấp phép. Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện để cấp phép thì trả lại hồ sơ và thông báo bằng văn bản nêu rõ lý do không cấp phép cho tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép;</p> <p>- Thời hạn trả giấy phép: Trong thời hạn ba (03) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ trình cấp phép, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định cấp phép hành nghề.</p>	<p>cho tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép và thông báo lý do không cấp phép (đối với trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện cấp phép); thông báo nghĩa vụ tài chính và trả giấy phép trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện cho tổ chức, cá nhân (đối với trường hợp đủ điều kiện cấp phép).</p>		<p>nước dưới đất;</p> <p>- Thông tư số 56/2014/TT-BTNMT ngày 24/9/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định điều kiện về năng lực của tổ chức, cá nhân thực hiện điều tra cơ bản tài nguyên nước, tư vấn lập quy hoạch tài nguyên nước, lập đề án, báo cáo trong hồ sơ đề nghị cấp giấy phép tài nguyên nước;</p> <p>- Nghị quyết số 22/2020/NQ-HĐND ngày 04/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Yên Bái về việc ban hành một số loại phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh Yên Bái thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh.</p> <p>- Quyết định số 03/2015/QĐ-UBND ngày 15/01/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái ban hành quy định một số nội dung về quản lý tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh Yên Bái.</p>
11	<p>Gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép hành nghề khoan nước</p>	<p>- Thời hạn kiểm tra hồ sơ: Trong thời gian ba (03) ngày làm việc, kể</p>	<p>- Nộp hồ sơ: trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện. - Trả kết quả giải quyết</p>	<p>Khoản 9 Điều 2 Nghị quyết số 22/2020/NQ-HĐND ngày 04/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Yên</p>	<p>- Luật Tài nguyên nước năm 2012; - Nghị định số 201/2013/NĐ-CP của Chính phủ ngày 27/11/2013 về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật tài</p>

<p>dưới đất quy vừa và nhỏ</p>	<p>từ ngày nhận hồ sơ, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm xem xét, kiểm tra tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ.</p> <p>- Thời hạn thẩm định hồ sơ: Trong thời hạn mười (10) ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm thẩm định hồ sơ.</p> <p>- Thời hạn trả giấy phép: Trong thời hạn ba (03) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ trình cấp phép, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định cấp phép hành nghề khoan nước dưới đất.</p>	<p>thủ tục hành chính: Sở Tài nguyên và Môi trường trả lại hồ sơ cho tổ chức, cá nhân đề nghị gia hạn, điều chỉnh và thông báo lý do không cấp phép (đối với trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện); thông báo nghĩa vụ tài chính và trả giấy phép trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện cho tổ chức, cá nhân (đối với trường hợp đủ điều kiện).</p>	<p>Bãi: Phí thẩm định: 730.000 đồng/giấy phép.</p>	<p>nguyên nước;</p> <p>- Nghị định số 60/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định một số điều kiện đầu tư kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường;</p> <p>- Nghị định số 136/2018/NĐ-CP ngày 05/10/2018 của Chính phủ sửa đổi một số điều của các nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực tài nguyên và môi trường;</p> <p>- Thông tư số 40/2014/TT-BTNMT ngày 11/7/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định việc hành nghề khoan nước dưới đất;</p> <p>- Nghị quyết số 22/2020/NQ-HĐND ngày 04/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Yên Bái về việc ban hành một số loại phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh Yên Bái thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh.</p> <p>- Quyết định số 03/2015/QĐ-UBND ngày 15/01/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái ban hành quy định một số nội dung về quản lý tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh Yên Bái.</p>
--------------------------------	---	--	--	---

C. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BỊ BÃI BỎ

STT	Mã số	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Căn cứ pháp lý
1	B-BTM-264796-TT	Thẩm định, phê duyệt phương cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung đối với hoạt động khai thác khoáng sản (<i>trường hợp có phương án bổ sung và báo cáo đánh giá tác động môi trường không cùng cơ quan thẩm quyền phê duyệt</i>)	Bảo vệ môi trường	Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật bảo vệ môi trường.
2	B-BTM-265041-TT	Thẩm định, phê duyệt phương cải tạo, phục hồi môi trường đối với hoạt động khai thác khoáng sản (<i>trường hợp có phương án và báo cáo đánh giá tác động môi trường cùng một cơ quan thẩm quyền phê duyệt</i>).	Bảo vệ môi trường	Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật bảo vệ môi trường.
3	B-BTM-265042-TT	Thẩm định, phê duyệt phương cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung đối với hoạt động khai thác khoáng sản (<i>trường hợp có phương án bổ sung và báo cáo đánh giá tác động môi trường cùng một cơ quan thẩm quyền phê duyệt</i>).	Bảo vệ môi trường	Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật bảo vệ môi trường.
4	B-BTM-264788-TT	Cấp lại Giấy xác nhận đủ điều kiện về bảo vệ môi trường trong nhập khẩu phế liệu làm nguyên liệu sản xuất cho tổ chức, cá nhân trực tiếp sử dụng phế liệu nhập khẩu làm nguyên liệu sản xuất (<i>trường hợp Giấy xác nhận hết hạn</i>).	Bảo vệ môi trường	Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật bảo vệ môi trường.
5	B-BTM-264789-TT	Cấp lại Giấy xác nhận đủ điều kiện về bảo vệ môi trường trong nhập khẩu phế liệu làm nguyên liệu sản xuất (<i>trường hợp Giấy xác nhận bị mất hoặc hư hỏng</i>).	Bảo vệ môi trường	Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật bảo vệ môi trường.
6	B-BTM-264900-TT	Thẩm định, phê duyệt đề án bảo vệ môi trường	Bảo vệ	Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019

		chi tiết.	môi trường	của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật bảo vệ môi trường.
7	B-BTM-264901-TT	Xác nhận đề án bảo vệ môi trường đơn giản.	Bảo vệ môi trường	Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật bảo vệ môi trường.
8	B-BTM-264781-TT	Chấp thuận điều chỉnh về quy mô, quy hoạch, hạ tầng kỹ thuật, danh mục ngành nghề trong khu công nghiệp.	Bảo vệ môi trường	Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật bảo vệ môi trường..
9	B-BTM-264782-TT	Cấp Giấy xác nhận đủ điều kiện về bảo vệ môi trường trong nhập khẩu phế liệu làm nguyên liệu sản xuất cho tổ chức, cá nhân trực tiếp sử dụng phế liệu nhập khẩu làm nguyên liệu sản xuất.	Bảo vệ môi trường	Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật bảo vệ môi trường.
BAN QUẢN LÝ CÁC KCN TỈNH				
1	BTM-265170	Chấp thuận điều chỉnh về quy mô, quy hoạch, hạ tầng kỹ thuật, danh mục ngành nghề trong khu công nghiệp.	Bảo vệ môi trường	Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật bảo vệ môi trường.

DANH MỤC
THỦ TỤC HÀNH CHÍNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG; THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BỊ BÃI BỎ TRONG LĨNH VỰC BẢO VỆ
MÔI TRƯỜNG THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP HUYỆN TỈNH YÊN BÁI
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái)

A. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
1	Thủ tục đăng ký xác nhận/dăng ký xác nhận lại kế hoạch bảo vệ môi trường	<p>- Thời hạn kiểm tra, trả lời về tính đầy đủ và hợp lệ của hồ sơ: trong thời hạn xem xét hồ sơ.</p> <p>- Thời hạn xem xét, xác nhận đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường: tối đa là 10 (mười) ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ.</p>	Nộp trực tiếp hoặc qua đường bưu điện hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến đến Bộ phận Phục vụ hành chính công cấp huyện nơi triển khai dự án.	Không quy định	<p>- Luật Bảo vệ môi trường 2014;</p> <p>- Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường.</p> <p>- Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường.</p>

B. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BỊ BÃI BỎ

STT	Mã số	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Căn cứ pháp lý
1	BTM-265165	Xác nhận đề án bảo vệ môi trường đơn giản	Bảo vệ môi trường	Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật bảo vệ môi trường.

DANH MỤC
THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BỊ BÃI BỎ TRONG LĨNH VỰC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP XÃ TỈNH YÊN BÁI
(Kèm theo Quyết định số 2543/QĐ-UBND ngày 09 tháng 10 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái)

STT	Mã số	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Căn cứ pháp lý
1	B-BTM-264928-TT	Xác nhận đề án bảo vệ môi trường đơn giản	Bảo vệ môi trường	Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật bảo vệ môi trường.
2	B-BTM-264791-TT	Xác nhận đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường	Bảo vệ môi trường	Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật bảo vệ môi trường.
3	B-BTM-264929-TT	Tham vấn ý kiến đề án bảo vệ môi trường chi tiết	Bảo vệ môi trường	Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật bảo vệ môi trường.
4	B-BTM-264792-TT	Tham vấn ý kiến trong quá trình thực hiện đánh giá tác động môi trường	Bảo vệ môi trường	Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật bảo vệ môi trường.